

慧
覺
文
集



HUỆ KHẢI

NỎ VÊ
TÂM LINH

HUỆ KHẢI

NỎ VÊ TÂM LINH

NXB TÔN GIÁO

Sách ấn tống. Không bán.



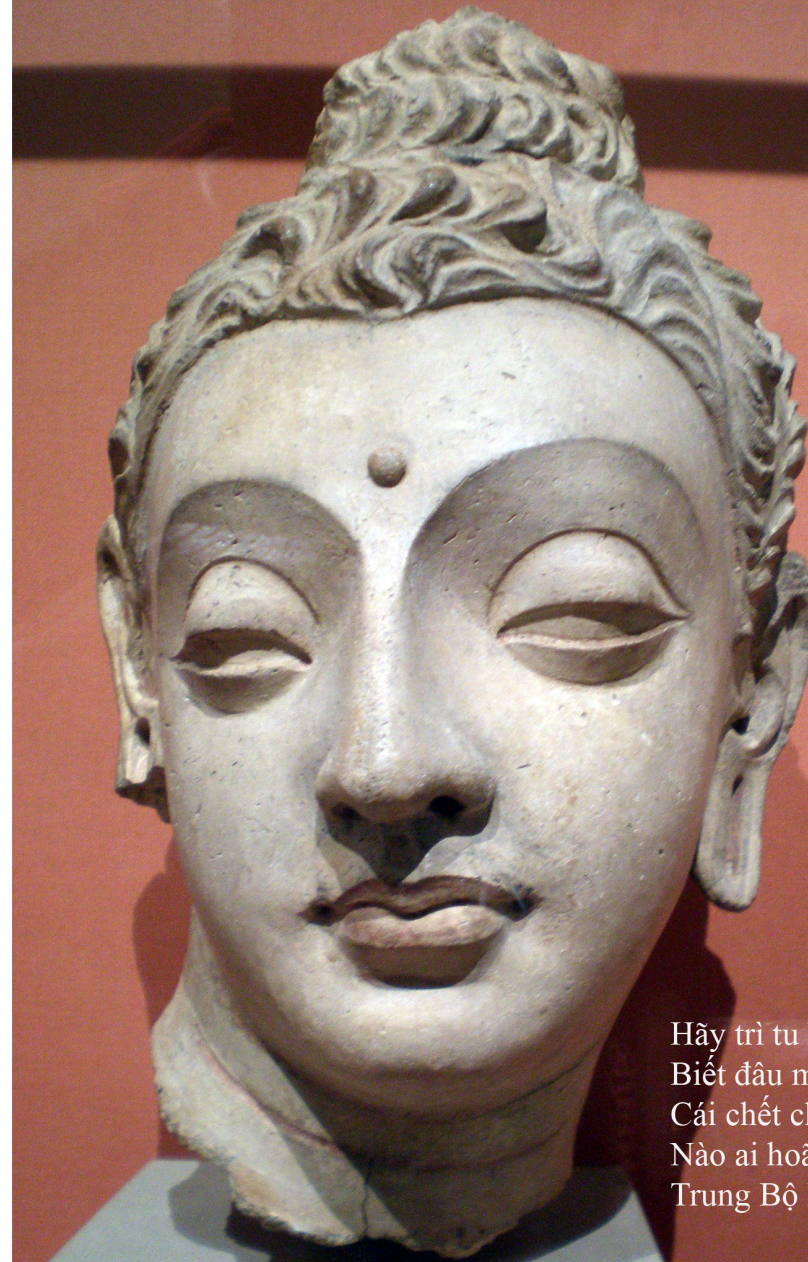
NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



Có sông mới đóng ra thuyền
Có người tội lỗi
mới truyền pháp tu.
Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch
Thánh thất Từ Quang
Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài
Quảng Nam, 18-02-1948



Lý Bạch 李白
tranh của
Lương Khải 梁楷
(khoảng 1140-1210)
đời Nam Tống



Hãy trì tu hôm nay
Biết đâu mai sẽ chết
Cái chết chẳng chờ ai
Nào ai hoãn được chết.
Trung Bộ Kinh 131

Thầy ban cho anh em một điều răn mới
là anh em hãy thương yêu nhau
như Thầy đã yêu thương anh em.
Gioan 13:34



Thầy mong cho người già an vui, bạn bè tin cậy nhau,
người trẻ được bảo bọc thương yêu.
Lão giả an chi, bằng hữu tín chi, thiếu giả hoài chi.
Luận Ngữ 5:26



NẾO VỀ TÂM LINH

Quyển 84-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo
thành tâm kính mừng đại lễ kỷ niệm
KHAI MINH ĐẠI ĐẠO năm Giáp Ngọ (2014).

HUỆ KHẢI. *Thế danh* Lê Anh Dũng. *Bút danh* Dữ Lan, Lê Khang Thìn...
ĐÃ IN TRONG CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỐNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO:
NHỚ ĐẠT LINH (chủ biên, 2008) • TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI (viết chung với
Thanh Căn, 2009, 2010, 2011) • HÀNH TRẠNG TIẾN BỒI CAO TRIỀU PHÁT (viết
chung với Cao Bạch Liên, 2010, 2012) • CỤỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ (viết chung
với Lê Anh Minh, truyện tranh, 2013) • TƯỚNG NHỚ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ
(chủ biên, 2014) • ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN (chủ biên, 2012, 2013, 2014, ấn
tổng mỗi quý).

HUỆ KHẢI VĂN TẬP (ấn tổng)

ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐỂ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI (*Cochinchina as a Cultural
Precondition for the Foundation of Caodaism*, 2008, 2012) • ĐẤT NAM KỲ
– TIẾN ĐỂ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI (*Cochinchina as a Legal Precondition
for the Foundation of Caodaism / La Cochinchine – le Préalable
Juridique pour la Fondation du Caodaïsme*, 2008, 2010) • NGŨ VĂN CHIÊU –
NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN (*Ngô Văn Chiêu – the First Caodai
Disciple*, 2008, 2009, 2012) • LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI (2008,
2010, 2012) • LÒNG CON TIN ĐÁNG CAO ĐÀI (2008, 2010) • KINH CỨU KHỔ
TRONG ĐẠO CAO ĐÀI (2009, 2010, 2011) • TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU
CÁO (2009, 2010) • TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐỂ TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI
(*The Three Teachings of Vietnam as an Ideological Precondition for the
Foundation of Caodaism*, 2010, 2013) • MỘT DÒNG BÁT NHÃ (2010, 2013) •
GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU (1993, 1995, 2000, 2001, 2003, 2005, 2010, 2011) •
TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN (2011, 2012) •
NHỊP CẦU TƯƠNG TRI (2011, 2013) • ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ (2011,
2013) • ĐIỂM TỰA TÂM LINH (2011, 2012) • NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU (2011) • MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI (2011) •
CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC (2011, 2013) • TU CỨU CỬU HUYỀN THẤT TỔ (2012,
2013) • CẤM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ 1928-1950 / *Caodaism under
Persecution in Central Vietnam 1928-1950* (2012) • BẮC CẦU TÂM LINH
(2012, 2013) • HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN (2012, 2013) • QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY
(1995, 2013) • DƯỚI MÁI ĐẠO VIỆN (2013) • HỒ BIỂU CHÁNH XƯA VÀ NAY
(2014) • PETRUS KÝ XƯA VÀ NAY (2014) • HÀNH TRẠNG ĐỨC AN TRINH THẦN NỮ
(2014) • THIÊN BÀN TẠI NHÀ (*The God's Altar at Home*, 2014) • NGŨ GIỚI
CẤM XƯA VÀ NAY (*The Five Precepts Past and Present*, 2014) • VẠN HẠNH
THIÊN SỰ XƯA VÀ NAY (2014) • NẾO VỀ TÂM LINH (2014)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI
(Dũ Lan LÊ ANH DŨNG)

NỎ VỀ TÂM LINH

IN LẦN THỨ NHẤT

Nhà xuất bản **TÔN GIÁO**
Hà Nội 2014



Ấn tống lần thứ nhất năm ngàn quyền do
quý môn sanh Chiêu Minh (Long Vân Đàn, Mỹ Tho):
* Hiền tỷ **HỒNG LIÊN HƯƠNG**
công quả 27,5 triệu đồng (đợt 88; trích hai đợt 70, 85).
* Hiền huynh **NGUYỄN BẢO DUY**
công quả 15 triệu đồng (đợt 83 và 88).

Đồng kính nguyện hồi hướng cho quốc thái dân an,
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoàng dương,
Đại Đạo Cao Đài quy nguyên thống nhất,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bi nguyện.

ĐÔI LỜI THA THIẾT

Quý vị vui lòng **KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán** bất kỳ kinh sách nào do *Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo* thực hiện. Trân trọng kính mời Quý vị liên hệ với thánh thất Bàu Sen, hoặc các điểm phát hành của chúng tôi tại các tỉnh, thành, quận, huyện để thỉnh các ấn phẩm chánh thức (kính biểu).

Kinh sách được ấn tống để kính biểu rộng rãi là nhờ có biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm. Để không phụ lòng các bậc Mạnh Thường Quân ấy, xin Quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của Quý vị.

BAN ÁN TỐNG

MỤC LỤC

Giao cảm	7
Phụ bản	8A, 8B, 8C, 8D

PHẦN MỘT

1. BA CÂU HỎI	9
2. BAO KHOAI TÂY	23
3. CÂY MÙA XUÂN	27
4. ĐÁ VÀ NGƯỜI	31
5. GẦN VÀ XA	35
6. HAI CÁI HỮ	39
7. NHIỀU NHƯ LÁ ME	43
8. TRONG BÀN TAY BẠC THẦY	47

PHẦN HAI

9. BỐN NGỌN NÉN	51
10. CON THUYỀN ĐỨC TIN	55
11. ĐỨC KHÔNG CŨNG CƯỜI?	59
12. ĐỨC KHÔNG NÓI ĐÙA	63
13. HOA VÀ NHÀ THỜ (a)	67

14. HOA VÀ NHÀ THỜ (b)	71
15. LÒNG NGƯỜI VÀ Ý TRỜI	75
16. MẪU LƯƠNG KHÔ	79
17. MẸ TERESA Ở ÚC	83
18. MỘT TÂM HỒN BỒ TÁT	87
19. NGHỈ NGOI	91
20. NGƯỜI GIEO GIỐNG (a)	95
21. NGƯỜI GIEO GIỐNG (b)	99
22. NGƯỜI THU THUẾ	103
23. NHÃN TỰ	107
24. NHỮNG ĐIỀU NHỎ NHẶT	109
25. PHÉP LẠ CUỐI ĐƯỜNG HẠM	113
26. SAO KHÔNG LÀ BÂY GIỜ?	115
27. THẦY VÀ TRÒ	119
28. TRIẾT LÝ ĐỒNG BẠC	123
29. TRÒ BỆNH THẦY	127
30. VÔ THẦN ĐÍCH THỰC LÀ AI?	130

*Huệ Khải Lê Anh Dũng giữ bản quyền
© All Rights Reserved*

GIAO CẢM

Hiệp tuyển này gồm ba mươi bài, phần lớn vẫn thuộc loại *Đây là chuyện tôi nghe*; tuy nhiên, lại chia thành hai phần, vì lẽ:

- Phần Một (tám bài) có thể xem là nối tiếp *Dưới Mái Đạo Viện* (2013, quyển 69-1 trong Chương Trình Chung Tay Ân Tổng Kinh Sách Đại Đạo).

- Phần Hai (hai mươi hai bài) có thể xem là nối tiếp *Bắc Cầu Tâm Linh* (2013, quyển 54-2 trong Chương Trình Chung Tay Ân Tổng Kinh Sách Đại Đạo).

Cũng như hai hiệp tuyển 54 và 69 nói trên, thứ tự các bài sắp trước hay sau trong mỗi phần của hiệp tuyển này đều nhiệm ý. Mỗi bài nguyên là một câu chuyện hàng tuần mà tôi đã sẻ chia với bạn đọc gần xa qua trang báo *Công Giáo và Dân Tộc (CGvDT)*.

Kết tập các mẫu chuyện hàng tuần và ấn tổng, tôi mong rằng may ra có thể hiến tặng quý đạo hữu, đạo tâm những khoảnh khắc nhẹ nhàng, coi như vừa giải trí, vừa có dịp gọi mở dăm ba vấn đề nho nhỏ mang tính đạo lý trong cuộc sống chúng ta.

Và, cũng như nhiều lần từng có dịp bày tỏ, tôi xin trân trọng kính lời chân thành biết ơn toàn thể quý vị Mạnh Thường Quân trong nhà Đạo, hơn sáu năm nay vẫn nhiệt thành tin cậy, yêu thương nên thường xuyên và mạnh mẽ

yểm trợ Chương Trình Chung Tay Ân Tổng Kinh Sách Đại Đạo; nhờ thế mà gần một trăm nhan đề sách (kể cả giai phẩm *Đại Đạo Văn Uyển*) của nhiều tác giả, dịch giả, soạn giả khác nhau mới có thể nối tiếp ra đời, góp phần xây dựng và phát huy văn hóa Cao Đài, văn hóa Đại Đạo.

Thay mặt Ban Ân Tổng, tôi cũng kính thành tỏ lòng biết ơn quý chức sắc, chức việc, đạo hữu hơn sáu năm qua lòng đầy nhiệt huyết đã âm thầm, nhẫn nại, chẳng nề hà nhọc nhằn, thường xuyên nhận lãnh kinh sách ấn tổng đem về địa phương, rồi tùy cơ duyên đưa kinh sách lan tỏa đến các họ đạo, từ phồn hoa thị thành đến đồng quê mộc mạc.

Bấy lâu nay, toàn thể quý ân nhân phát tâm tài trợ hay tự nguyện công quả phát hành, đã đến với Chương Trình Ân Tổng từ nhiều cộng đồng Cao Đài khác nhau, nhưng bằng việc làm đầy ý thức cao quý của mình, tất cả đã và đang mặc nhiên thể hiện một tình thương Đại Đạo không chi phối. Chính vì thế, dù vẫn còn gánh nặng của một quá khứ lịch sử, nhưng phải chăng anh chị em áo trắng chúng ta đều có thể vững niềm tin vào một ngày quy nguyên thống nhất?

Vâng, chúng ta có thể vững niềm tin ấy, và hãy nung nấu, san sẻ cho nhau niềm tin ấy trong từng đạo sự. Xin hãy cầu nguyện cho nhau cùng được nên trong thánh ý.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

25-7-2015
HUỆ KHẢI

BA CÂU HỎI

Đây là chuyện tôi nghe:

Một hôm, trong câu chuyện định kỳ hàng tháng vào hai ngày sóc vọng,⁽¹⁾ đạo sư mở đầu với câu hỏi:

- Các con, trong triết học người ta hay nhắc tới ba câu hỏi căn bản. Các con biết chứ?

Một môn sanh mau mắn đứng dậy trả lời:

- Thưa thầy, ba câu hỏi ấy là: *Ta từ đâu đến cõi đời này? Đến để làm gì? Xong rồi sẽ đi về đâu?*

Mim cười, đạo sư gật đầu, ra dấu mời học trò ngồi xuống:

- Phải đó các con. Hôm nay chúng ta cũng có ba câu hỏi, nhưng khác hơn ba câu hỏi vừa rồi. Trước hết, các con hãy nghe chuyện này:

Ngày kia, hoàng đế một nước cường thịnh nọ chợt nghĩ ra ba câu hỏi:

Lúc nào là quan trọng nhất?

Ai là người quan trọng nhất?

Việc làm nào là quan trọng nhất?

Dẫu thông minh, đủ tài kinh luân thao lược và tế thể an

⁽¹⁾ Sóc: Mừng một âm lịch. Vọng: Ngày rằm (mười lăm âm lịch).

bang, vua lại lúng túng, không thể tự mình trả lời ổn thỏa.

Được vời đến đề hỏi ý kiến, ba vị đại thần trong hội đồng tư vấn tối cao e dè đưa mắt nhìn nhau như thể ngầm hội ý. Thế rồi họ lần lượt đáp:

- Muôn tâu thánh thượng anh minh, thời kỳ thánh thượng cai trị trăm họ chính là lúc quan trọng nhất. Vì vậy, người quan trọng nhất chính là thánh thượng. Việc làm quan trọng nhất chính là công nghiệp mở mang bờ cõi của thánh thượng.

Vua tỏ vẻ không hài lòng. Ba vị đại thần chột dạ, cảm thấy uy tín bị suy giảm trước ngôi cửu ngũ.⁽²⁾ Để vớt vát, họ cùng quỳ xuống, xin ngài thân hành tham vấn một hiền giả nơi thâm sơn cùng cốc. Vốn tính ham học hỏi, vua chuẩn tấu.

Hôm sau, khi gần tới chỗ hiền giả ẩn cư, vua ra lệnh cho toán ngự lâm quân hãy dừng lại hết ở chân núi, cứ để ngài một thân một mình leo lên. Bởi ngài nghĩ, đi gặp hiền nhân thánh triết cầu học mà đem theo lính tráng giáo gươm bảo vệ thì quá tệ.

Lên tới một vách đá cheo leo, vua tìm được ẩn sĩ đang đắm chìm thiền định trong hang động. Giữ lễ, không dám

⁽²⁾ Cửu ngũ: Kinh Dịch gọi hào dương là cửu, gọi hào âm (một vạch đứt) là lục. Hào thứ năm (ngũ) của một quẻ kép (có sáu hào) tượng trưng ông vua. Hào thứ năm quẻ Càn là hào dương (một vạch liền), nên gọi là hào cửu ngũ. Văn học dùng thuật ngữ cửu ngũ trong Kinh Dịch để ám chỉ ngôi vua.

thất thố kinh động, ngài rón rén tìm chỗ ngồi nghỉ chân, kiên nhẫn chờ đợi. Rồi mệt mỏi, ngài lăn quay ra ngủ ngon lành.

Khi vua choàng tỉnh, ánh nắng sớm mai đang hắt vào cửa động. Không khí trong lành cùng với tiếng chim ríu rít gọi bầy giữa tàn cây khóm lá khiến ngài lâng lâng sáng khoái. Hiền giả đã đi đâu rồi, để lại tấm nệm cỏ ngồi thiền trống trải.

Vua mon men bước ra triền núi, nhìn bao quát và thấy xa xa bên dưới kia, dải giang san của ngài tắm ánh bình minh mới đẹp làm sao! Bất chợt ngài bùng nở nụ cười, cõi lòng sung sướng tràn trề.

Chưa bao giờ ngài hưởng được buổi sáng thần tiên như thế này! Nhiều năm qua, mỗi sáng sớm ngự triều, ngài cứ phải nặng lòng lo nghĩ tính toán khi nghe bá quan lần lượt trình tấu tình hình nội chính và ngoại giao. Để gây uy tín cá nhân với vua, các quan khi báo cáo thường khéo léo tô vẽ số trình, thế nên ngài luôn luôn phải tỉnh táo để phân biệt giữa hư và thực, khiến cho hầu như lúc nào ngài cũng căng thẳng và căng thẳng!

Giữa lúc chiêm ngưỡng giang sơn gấm vóc, vua bỗng nhận thức thật rõ lý do vì sao ngài phải ngồi trên ngai vàng, mục đích thật sự của “nghề” làm vua là gì, những lo toan nhọc nhằn cân não của ngài là cốt yếu để đánh đổi được những gì cho con dân của ngài...

Tiếng sỏi lạo xạo sau lưng cắt ngang dòng suy nghĩ của

nhà vua. Ngài quay lại và bắt gặp hiền giả đang tới sát bên ngài, chiếc gậy trúc trong tay chỉ như món trang trí vì hiền giả đứng thật thẳng lưng.

Nhà vua chẳng hề phật lòng khi thấy ẩn sĩ tuy giữ lễ vua tôi nhưng chẳng tỏ ra tí gì khúm núm, quy lụy như mắt ngài đã quá quen nhìn mỗi ngày mỗi giờ.

Ắt hẳn có tha tâm thông, tự rõ biết ba điều nhà vua đang thắc mắc, nên vua chưa kịp hỏi thì hiền giả đã hỏi ngược lại:

- Thưa bệ hạ, ngài nói đi: *Lúc nào là quan trọng nhất? Ai là người quan trọng nhất? Việc làm nào là quan trọng nhất?*

Vua làm thỉnh, ánh mắt lóe nhanh một tia sáng, và ngài mỉm cười.

Một tay chống gậy trúc, bàn tay kia dụi dàng xòe ra làm dấu chỉ đường quay xuống núi, hiền giả ôn tồn nói:

- Bệ hạ, chúc ngài hồi cung bình an.

Ngừng kể, chờ một lúc cho các môn sinh kịp thấm câu chuyện, đạo sư đưa mắt từ ái nhìn khắp giảng đường rồi nhẹ nhàng hỏi:

- Nếu là vị minh quân ấy, các con trả lời ẩn sĩ thế nào?

Câu trả lời thứ nhất

Một môn đệ mau mắn đứng dậy xin phép trả lời:

- Thừa thầy, theo câu chuyện thầy kể thì con hiểu rằng lúc hạnh phúc nhất của nhà vua là được thanh thân tận hưởng buổi sáng. Chính vào cái thời khắc đó nhà vua không còn bị vướng bận vào công việc ngày hôm qua, cũng không lo nghĩ về chuyện ngày hôm sau. Câu hỏi thứ nhất: *Lúc nào là quan trọng nhất?* Con suy ra hiện tại là quan trọng nhất. Người Anh gọi hiện tại là *present*. Mà *present* cũng là món quà tặng. Hiện tại là quà tặng cho chúng ta, chúng ta phải biết tận hưởng nó.

Đạo sư gật đầu, mỉm cười:

- Con nói hay lắm! Nghe có vẻ hiện sinh lắm, con nhỉ?

Mọi người cười ồ. Chờ cho tĩnh lặng lại, đạo sư hỏi tiếp:

- Nhưng con áp dụng điều vừa nói vào chính đời tu hành của con thế nào cho ích lợi đây?

Thấy học trò lúng túng, đạo sư ra dấu mời ngồi xuống.

Không thấy đồng môn nào trả lời thêm, quản thủ Tàng Kinh Các bèn đứng lên thủ lễ chào thầy và nói:

- Thừa thầy và các huynh đệ, nói gằn thì con có thể áp dụng vào lúc tập thiền. Giờ nào việc đó. Hiện tại đang là giờ hành thiền thì con chỉ nên biết tập trung vào thiền định. Đừng để chuyện cũ hay chuyện tương lai xâm lấn tư tưởng, bắt cái ý của con rong chơi bay nhảy.

Đạo sư mỉm cười, gật đầu:

- Đó là con nói gằn. Xa hơn thì sao?

- Thừa thầy, con được đọc *Tương Ứng Bộ Kinh* do một tỷ kheo Ấn Độ dịch từ tiếng Pali ra tiếng Anh. Con dịch hai đoạn con thích thú sang quốc ngữ như sau:

*Việc qua rồi chẳng than
Việc chưa tới chẳng màng
Hiện tại hãy bảo thân
Thế nên được tĩnh thanh.*

*Việc chưa tới mà cầu
Việc qua rồi chẳng buông
Kẻ vô minh úa xào
Như khô héo cỏ lau.⁽³⁾*

Đạo sư trù mến nhìn “con một sách”, khuyến khích:

- Con cứ tiếp tục nói cho hết ý.

- Thừa thầy và các huynh đệ, qua tám câu ấy, Đức Phật Tổ khuyên người tu giữ chánh niệm, đừng để tâm ý mình điên đảo theo quá khứ hay tương lai. Sống với hiện tại đối

⁽³⁾ *Tương Ứng Bộ Kinh*, I.8. Bản tiếng Anh:
They make no lamentation o'er the past,
They yearn not after that which is not come,
By what now is do they maintain themselves;
Hence comes it that they look serene of hue.
By yearning after that which is not come,
By making lamentation o'er the past,
Hence comes it that the foolish wither up
E'en as a tender reed by sickle shorn.
(*Kindred Saying I. 8*)

với người chân tu cũng là tận dụng tất cả quỹ thời gian mình đang có để chuyên cần tu tập, không phung phí vào các việc phù phiếm. Phải biết sợ rằng mình có thể chết bất kỳ lúc nào mà dang dở đường tu. Đức Phật từ bi luôn nhấn mạnh điều này, vì vậy trong *Trung Bộ Kinh*, Phật dạy tương tự như tám câu con vừa đọc. Dựa theo bản tiếng Anh của một vị tỷ kheo Ấn Độ, con dịch như sau:

*Quá khứ chớ đuổi theo
Tương lai đừng mơ ước
Quá khứ bỏ đằng sau
Tương lai đâu đã đến.*

*Quý báu là lúc này
Hãy nhìn rõ hiện tại
Tâm an không chuyển lay
Dưỡng tâm chẳng hư hoại.*

*Hãy trì tu hôm nay
Biết đâu mai sẽ chết
Cái chết chẳng chờ ai
Nào ai hoãn được chết.⁽⁴⁾*

⁽⁴⁾ *Trung Bộ Kinh*, 131. Bản tiếng Anh:

One would not chase after the past,
nor place expectations on the future.
What is past is left behind.
The future is as yet unreached.
Whatever quality is present
one clearly sees right there, right there.
Unvanquished, unshaken,

- Thầy cảm ơn con. Người chân tu là như vậy. Cho nên muốn tu giải thoát, những giao tế phù phiếm đời thường làm mất thời gian tu luyện, thì chúng ta đừng màng tới. Bây giờ, thầy mời các con trả lời sang câu hỏi thứ hai.

Câu trả lời thứ hai

Môn sanh phụ trách trừ phòng (nhà bếp) đứng dậy đáp:

- Thưa thầy và các huynh đệ, theo con hiểu thì người quan trọng nhất chính là vị hiền giả. Nếu không có ngài trợ duyên (giống như một chất xúc tác) thì nhà vua không thể tự mình tìm ra đáp án cho ba câu hỏi.

Môn sanh trông coi thái viên (vườn rau) nói:

- Thưa thầy và quý sư huynh, sư đệ cho phép. Con nghĩ rằng câu trả lời thứ nhất giúp ta giải đáp câu hỏi thứ hai. Hiền huynh quản thủ Tàng Kinh Các vừa rồi nói rất rõ rằng hiện tại là quan trọng nhất. Đem triết lý này áp dụng vào đời tu thì đâu có ai quan trọng hơn chính ta. Ta phải biết thương ta sống nay chết mai, do đó hãy ý thức lợi dụng từng cơ hội hiện tại mà ráo riết tu trì mới mong tự cứu mình thoát khỏi luân hồi sinh tử. Tóm lại, chính ta mới là

that's how one develops the mind.

Ardently doing one's duty today,
for – who knows? – tomorrow death may come.
There is no bargaining
with Death and his mighty horde.

(*Majjhima Nikaya*, 131)

người quan trọng nhất, hãy lo giải thoát cho bản thân ta trước khi lo giải thoát cho ai khác.

Trà đồng xin phép góp ý:

- Kính thưa sư phụ và quý huynh trưởng đại xá cho con. Sư huynh thái viên nói nghe rất có lý, nhưng con e rằng nếu cứ nhân mạnh cái ta của mình nhiều như thế thì có phải là mình quá ích kỷ chăng? Hôm rồi sư huynh trưởng tràng kèm chúng con tiếng Anh, có giảng về chữ *egoism* và sư huynh dịch ra chữ Nho là *tự ngã chủ nghĩa*. Ý kiến của sư huynh thái viên vừa rơi vào *egoism*, vừa sẽ khiến người ta nhớ tới quan điểm *nhất mao bất bạt* của Dương Chu thời Chiến Quốc, tức là nhỏ một sợi lông để làm lợi cho thiên hạ thì ông cũng chẳng thêm. Vậy thì đức bác ái, lòng từ bi của người tu còn biết nhắm vào đâu bây giờ?

Thấy trà đồng phản bác có vẻ hăng quá, lại còn nhắc tới mình, nên trưởng tràng bèn đứng dậy, đưa mắt nhìn chú em ngằm bảo hãy ngồi xuống. Cung kính chấp tay xá đạo sư, trưởng tràng nói:

- Kính thưa thầy, thưa các hiền đệ, chúng ta đang sống trong cõi nhị nguyên, mọi giá trị đều có hai mặt đối lập. Ý kiến của hiền đệ thái viên và của trà đồng vừa rồi chính là hai mặt đối lập của một giá trị mà chúng ta mệnh danh là sống đạo.

Môn tâm lý phân tích (*psychoanalysis*) có nói tới *ego*, tức là *tự ngã*. Cái mà họ gọi là *ego* hình thành từ thuở đứa trẻ chào đời và phát triển dần trong cuộc sống, khi tiếp xúc

với môi trường xã hội chung quanh. Trong vô thức, ai ai cũng có những ham muốn thầm kín, thế thì cái *ego* này là một ý thức mang tính trách nhiệm xã hội, bởi vì nó điều hòa, tiết độ những ham muốn của cá nhân sao cho phù hợp với những quy ước hay những chuẩn mực về nhân cách và đạo đức của xã hội.

Đã đành hiện tại là quan trọng nhất, nhưng áp dụng triết lý này một cách xơ cứng thì hậu quả sẽ ra sao? Tới giờ hái rau hiền đệ thái viên không thêm ra vườn vì bảo tập thiền quan trọng hơn; hoặc tới giờ nấu cơm hiền đệ trừ phòng vì mãi lo tập thiền cứ mặc cho bếp lò lạnh tanh. Rốt cuộc cả đạo viện sẽ đói meo thì có đúng không? Thế nên cái *ego* đó sẽ điều chỉnh thái độ và hành vi của hai hiền đệ ấy để đạo viện còn có cơm ăn; bằng không, bụng đói còn cào thì đó ai ngồi thiền cho yên! Đành phải rời khỏi bô đoàn⁽⁵⁾ mà than rằng:

*Ngồi thiền ta quyết thành chánh quả
Bao từ rẻo sỏi phải xả thiền!*

Mọi người cười ô. Đạo sư cũng cười vui vẻ. Khi bầu khí lắng xuống, đạo sư nói:

- Đúng vậy đó các con. Có một triết gia mà thầy quen tên, nói rằng *ego* hay *self-awareness* là ý thức về chính mình; nó giúp mình đạt được mục tiêu do mình đặt ra. Ông ấy ví von rằng *ego* hay *tự ngã* cũng giống như móng tay ở đầu các ngón tay. Nếu để móng tay mọc quá dài, thì nó cản

⁽⁵⁾ *Bô đoàn*: Tấm nệm dùng khi ngồi thiền.

trở, vương vís, ta không nắm được đồ vật. Vậy, phải biết cắt móng tay cho gọn gàng, vừa phải. Tóm lại, ta chính là người quan trọng nhất, nhưng chớ quên đặt cái ta, cái tôi của mình trong tương quan xã hội.

Ngừng một chút, đạo sư tiếp tục:

- Tới đây thầy nghĩ các con có thể luận ra câu trả lời thứ ba rồi. *Việc làm nào là quan trọng nhất?* Hãy trình bày ý kiến các con đi!

Câu trả lời thứ ba

Môn sanh phụ trách trừ phòng hăng hái trả lời câu hỏi thứ hai nhưng không đúng nên trong bụng còn âm ức, chỉ mong có dịp gỡ lại “bàn thua” trước đạo hữu đồng môn. Vì thế, khi đạo sư vừa nhắc tới câu hỏi thứ ba thì liền chụp lấy cơ hội, anh đứng phắt dậy và nói luôn một mạch:

- Thưa thầy, thưa các huynh đệ, nhà vua tự tìm ra đáp án cho câu hỏi thứ ba trong lúc nhìn ngắm giang san xinh đẹp của mình. Khi ấy, vua hiểu rằng ông ngự trên ngai vàng chẳng phải để ăn trên ngồi trước muôn dân; trái lại, ông phải làm sao giúp cho dân của ông được hạnh phúc ấm no và giữ gìn đất nước được thanh bình, thịnh trị. Đó là cái đạo làm vua của những ông vua hiền đức mà sử sách ca tụng là thánh vương, minh vương.

Thấy đạo sư gật đầu khuyến khích, anh chàng phấn khởi, bèn nói tiếp:

- Nếu bàn rộng ra thì cái đạo làm vua hay thấp hơn một

bực là đạo làm quan có thể được gói ghém trong mười bốn chữ bất hủ của ông Phạm Trọng Yên đời nhà Tống như sau: *Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc.*⁽⁶⁾ Nghĩa là kẻ làm vua hay phạm làm quan phải biết lo âu trước khi thiên hạ âu lo, và chỉ nên sướng vui sau khi thiên hạ đã được vui sướng. Bởi vậy, ông quan Tô Đông Pha đời Tống, nhìn thấy dân chúng trong địa phận do ông cai trị còn đói khổ thì ông luôn tự hổ thẹn rằng bản thân chưa đủ tài kinh luân thao lược để cứu cái bao tử rỗng của dân lành.

Thấy nhà bếp thao thao bất tuyệt, đạo sư cười tươi và nói vui:

- Thầy trò trong đạo viện ta phải biết ơn con nhiều lắm. Bao lâu con còn phụ trách trừ phòng thì chắc chắn mọi người ở đây còn được ăn no và ăn ngon trước khi con ăn ngon và ăn no. Đó cũng là cái đạo làm trừ phòng mà con học được từ danh nho Phạm **Trọng** Yên, phải không con?

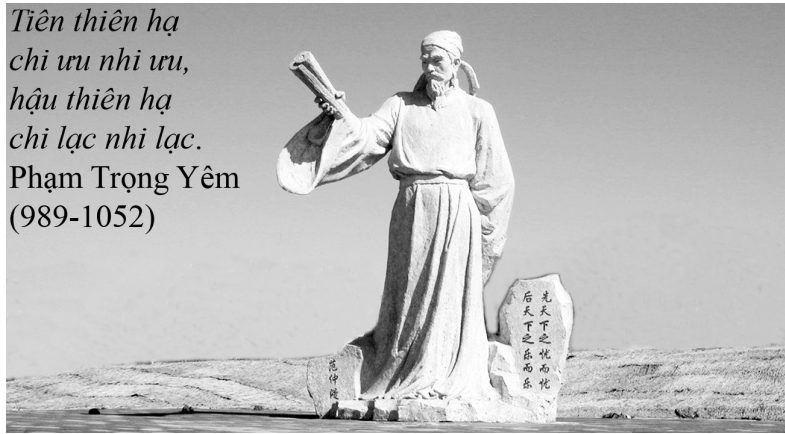
Mọi người cười ồ vui vẻ. Đạo sư nhắc:

- Hãy trở lại câu hỏi thứ ba. Theo con thì việc làm nào mới quan trọng nhất?

⁽⁶⁾ 先天下之憂而憂，後天下之樂而樂. Câu này trích trong bài *Nhạc Dương Lôu Ký* 岳陽樓記 (ghi chép ở lầu Nhạc Dương) của Phạm Trọng Yên.

Phạm Trọng Yên 范仲淹 (989-1052), tự Hy Văn 希文, thụy Văn Chính 文正, là một nhà chính trị, nhà văn, nhà quân sự, nhà giáo dục thời Bắc Tống.

Tiên thiên hạ
chỉ ưu nhi ưu,
hậu thiên hạ
chỉ lạc nhi lạc.
Phạm Trọng Yêm
(989-1052)



- Thừa thầy, lòng thương yêu và chăm lo cho người khác mới là việc quan trọng nhất. Vì vậy, đã đành chính ta là người quan trọng nhất, nhưng đừng đem ích lợi của ta đặt lên trên ích lợi người khác.

Đạo sư gật đầu, ra dấu mời đệ tử ngồi xuống, rồi đưa mắt nhìn trà đồng như ngậm bảo những lời ngài sắp nói là để hóa giải thắc mắc của chú nhỏ lúc tranh luận với môn sanh trông coi thái viên:

- Phải đó các con. Lý tưởng của hạnh bồ tát là gì? Một mặt đối với bản thân thì bồ tát ráo riết tu tập cho tựu thành chánh quả, thành Phật; nhưng trước nỗi khổ đau của chúng sanh thì bồ tát lại phát nguyện nếu thế gian còn nước mắt tuôn rơi thì bồ tát chưa chịu đi về cõi niết bàn cực lạc riêng mình.

Các chánh pháp và chánh giáo đông tây xưa nay tuy lời

lẽ diễn bày khác nhau, mà cốt tủy vẫn chung một chân lý ấy, là bác ái và từ bi, tức là thương yêu người khác càng nhiều càng tốt.

Môn đồ nhà Phật hay nhắc câu này: “*Phật thương chúng sanh như mẹ thương con.*”

Đức Dalai Lama phát biểu: “*Đạo của tôi rất đơn giản. Đạo của tôi là lòng nhân từ.*”⁽⁷⁾

Đức Cao Đài Tiên Ông dạy: “*Các con nhớ biết thương Thầy, mà hãy thương Thầy thì ắt thương Đạo, mà hãy thương Đạo thì thương hết chúng sanh.*”⁽⁸⁾

Đức Không Tử thì đem đức Nhân đặt lên đầu năm giá trị của bậc quân tử là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín; mà đức Nhân của Nho Giáo nào khác chi đức Mến bên Công Giáo. Các con nhớ xem, Đức Giêsu há chẳng dạy chúng ta như thế ư? Chúa khuyến nhủ: “*Thầy ban cho anh em một điều răn mới là anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em.*” (Gioan 13:34)

CGvDT số 1950, ngày 28-3-2014

CGvDT số 1951, ngày 04-4-2014

CGvDT số 1952, ngày 11-4-2014

CGvDT số 1953, ngày 18-4-2014

⁽⁷⁾ My religion is very simple. My religion is kindness.

⁽⁸⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*. Quyển I. Đan ngày 02-02-1927.

BAO KHOAI TÂY

*Bấy giờ, ông Phêrô đến gần Đức Giêsu và hỏi:
“Thưa Thầy, nếu anh em con cứ xúc phạm đến con, thì
con phải tha thứ đến mấy lần? Có phải bảy lần không?”
Đức Giêsu đáp: “Thầy không bảo là đến bảy lần,
nhưng là đến bảy mươi lần bảy.”*

Matthêu 18:21-22

Đây là chuyện tôi nghe:

Môn đệ nọ luôn phiền não vì cứ ôm trong lòng những lời nói hay việc làm mà người khác xúc phạm anh. Một hôm đạo sư vui anh tới, trao cho cái bao rỗng và một giỏ đầy ắp khoai tây. Ngài bảo:

- Tất cả những ai thời gian qua đã làm gì hay nói gì khiến con không thể nào tha thứ được, con hãy khắc tên của họ vào những củ khoai này. Mỗi củ khắc tên một người, rồi bỏ vào bao.

Anh vâng lời. Chẳng mấy chốc cái bao rỗng đã nặng trĩu những khoai là khoai.

Đạo sư lại bảo:

- Trong một tuần liền, đi đâu bất kỳ, con hãy vác theo bao khoai này. Con chẳng được rời nó. Trong tuần, hễ có ai

lại làm con hờn oán, thì cứ lấy thêm một củ khoai và khắc tên kẻ đó rồi bỏ vào bao.

Vì rất tôn kính đạo sư, anh một mực làm theo lời thầy dạy. Dần dà trọng lượng cái bao lại tăng thêm, và càng vác lâu ngày thì càng mệt; anh thấy mình phải gắng sức nhiều hơn.

Sau vài ngày, những củ khoai bị khắc chữ bắt đầu thối rửa dần. Vác bao khoai bốc mùi khó chịu như thế kè kè bên mình chẳng khác gì một cục hình.

Cuối cùng, kỳ hạn một tuần rồi cũng qua. Đạo sư lại vui anh tới, và hỏi:

- Sao con? Ý con thế nào?

- Thưa thầy, phải vác bao khoai thối rửa suốt bên mình nhiều ngày liền, con cảm thấy khổ sở lắm. Thế rồi con suy nghĩ thêm, tại sao thầy muốn con làm việc này. Bao khoai nặng và thối phải chăng cũng giống như những hờn oán cứ đeo mang trĩu trĩu trong lòng, làm con khổ tâm?

Đạo sư gật đầu:

- Phải đó con. Khi nuôi trong lòng một mối ác cảm, chúng ta quả thật rất khổ tâm. Vậy, phải làm sao trút bớt gánh nặng này cho nhẹ lòng vui dạ, hở con?

- Thưa thầy, con phải bớt bỏ khoai vào bao, nghĩa là đừng hờn oán ai nữa.

Đạo sư mỉm cười:

- Khoan dung, tha thứ cho một người cũng giống như con bỏ bớt ra khỏi bao một củ khoai thối. Bao mà trống rỗng tức là con chẳng còn nuôi lòng ác cảm với ai cả. Con có thể tha thứ cho bao nhiêu người đã làm khổ con?

Lúng túng một lúc, môn đệ thú thật:

- Thưa thầy, tha thứ chẳng dễ chút nào! Nhiều lúc con cũng muốn tha thứ họ, nhưng trong con liền có một lực vô hình ngăn cản. Con nghĩ, có lẽ là con tự ái.

Đạo sư dịu dàng đặt bàn tay lên vai môn đệ, bốp nhẹ:

- Phải đó con. Tự ái tức là yêu cái ta của mình nhiều quá. Nó cản ngăn không để mình mở lòng ra mà tha thứ, khoan dung người khác. Một vận động viên điền kinh phải khổ luyện gân cốt, cơ bắp thì người tu chúng ta cũng phải khổ luyện tâm hồn, trui rèn ý chí để tự thắng những tình cảm thấp thỏi thường tình.

- Thưa thầy, đã đành con phải rèn luyện khổ nhọc để tập khoan dung, nhưng trong lúc con chưa thể tha thứ được những người cũ thì có thêm vài người mới lại gây phiền não cho con! Làm sao kiểm soát được việc làm hay lời nói của kẻ khác để con khỏi khổ lòng?

- Chúng ta không thể buộc kẻ khác hay ngoại cảnh phải theo đúng ý ta muốn! Vấn đề là chính ta phải biết tự kiểm soát trước kẻ khác và ngoại cảnh. Trở lại với bao khoai của con. Củ khoai thối là gì? Cái bao đựng khoai là gì?

- Củ khoai thối là những ác cảm, những hờn oán. Cái

bao là... Thưa thầy, nó là cái chứa đựng ác cảm, oán hờn. Nó là... nó là...

Môn đệ lúng túng. Đạo sư từ ái nhìn, nhẫn nại chờ học trò tự tháo gỡ vấn đề. Lúc sau, anh nói tiếp:

- Nó là cái gì đó ở trong con, khiến con cứ day dứt, gặm nhấm những điều phiền não do kẻ khác gây ra... À, nó là huyễn tưởng rằng cái tôi của con rất quan trọng; con là cái rún của năm châu thế giới. Cho nên hễ ai trái ý, xúc phạm con thì dứt khoát không thể bỏ qua.

- Vậy, theo con, chỉ cần trút bỏ khoai thối hay là nên quẳng luôn cái bao chứa nó?

Như bừng tỉnh, môn đệ liền chấp tay xá thầy tạ ơn:

- Thưa... thưa thầy... hãy quẳng cái bao đi, ném cái tôi đi. Khi ấy, bất kể thiên hạ nói gì hay làm gì nghịch ý con, cũng không còn là chuyện lớn lao nữa.

Đạo sư gật đầu, mỉm cười:

- Nói thì dễ, mà quẳng cái bao đi không dễ, con nhé! Con phải rèn tập, cố gắng rất nhiều. Nhưng Đạo thì tự nhiên, không phải gắng sức. Chỉ khi nào con không còn thấy có khoai, có bao, có quẳng bỏ... thì bấy giờ mới tạm gọi là đạt tới Đạo khoan thứ.

30-12-2013

CGvDT số 1939, ngày 03-01-2014

CÂY MÙA XUÂN

Đây là chuyện tôi nghe:

Đầu tháng Chạp, không khí lạnh lạnh len lỏi vào đạo viện như nhắc nhở buổi sang mùa đang đến gần. Sau bữa cơm chiều, đạo sư cho vời các đệ tử họp lại để bàn chuyện tất niên. Đạo sư mỉm cười, từ tốn bảo:

- Các con, lụi hụi mà thầy trò ta sắp cộng thêm một tuổi nữa rồi. Năm hết tết đến, thầy không khỏi chạnh lòng nghĩ tới hoàn cảnh chúng ta. Cứ một năm trôi qua là thêm một năm thầy trò ta mang nợ của bá tánh làm bồ tát, hộ pháp dưỡng nuôi đạo viện này. Ôn nghĩa ấy sâu hơn biển, cao hơn núi; cho nên thầy luôn luôn nhắc các con dốc tâm chí thành tu học để có đủ công đức và huệ lực mà nguyện cầu hồi hướng báo đáp ơn nghĩa sâu dày của bá tánh. Đó là phần vô vi.

Đạo sư ngưng lại, tròng mắt đưa mắt nhìn khắp các đệ tử đang cung kính lắng nghe. Rồi ngài tiếp tục:

- Về phần hữu vi thì sao? Sau ngày cúng ông Táo theo thông lệ dân gian, thầy muốn nhờ các con giúp thầy làm một buổi sinh hoạt tất niên mang tính cách đại gia đình, gồm có những đáng sinh thành và thân quyến các con, cũng mời thêm các vị thí chủ ân nhân của đạo viện chúng ta nữa. Ý thầy thế này: Trong lễ tất niên, các con có dịp tạ ơn cha mẹ đã sinh dưỡng các con, rồi còn hy sinh cho phép các

con xuất gia tu hành. Thầy vẫn biết, có nhiều bậc cha mẹ tuổi đã cao nhiều năm qua đành phải sống cô quạnh vì lẽ con trai một của các vị xa nhà đi tu. Hy sinh ấy là trời biển đó các con.

Một số môn đệ gằm mặt xuống, kín đáo lấy tay áo trùm thấm nước mắt. Chờ cho lắng con xúc động, đạo sư kết thúc phần giáo đầu buổi họp:

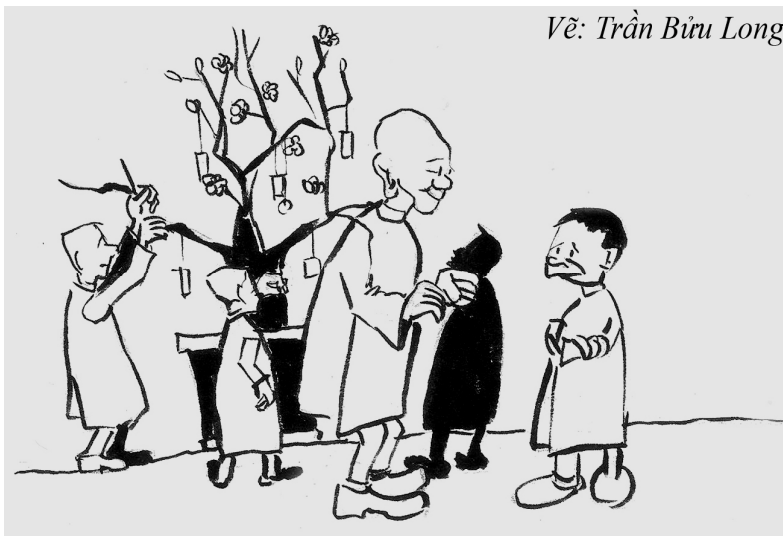
- Trước đây một con trăng, thầy có nhờ trưởng tràng lập một nhóm công tác để trừ tính mọi việc cho lễ tất niên đặc biệt này. Bản kế hoạch chi tiết cả nhóm đã trình thầy duyệt rồi. Thầy rất đẹp lòng; cứ y theo đó mà huynh đệ phân công nhau đảm trách. Bây giờ, thầy mời trưởng tràng chia sẻ mấy nét tổng thể cho toàn đạo viện được biết, để tất cả các con đều cảm thông, thấu hiểu mà cùng chung tay góp sức thực hiện. Có đồng tâm nhất trí như vậy thì kết quả mới mỹ mãn và lại không làm cho các con phí phạm quá nhiều thời gian cùng sức khỏe, nên khỏi ảnh hưởng tới việc siêng chăm tu tập hàng ngày.

Trưởng tràng đứng dậy, chắp tay xá thầy và các đồng môn, rồi thông thả nói:

- Thưa thầy, thưa các huynh đệ... Lễ tất niên năm nay tên gọi là “Cây Mùa Xuân”. Sẽ có một chậu mai lớn bày trên sân khấu. Trên các cành sẽ dính nhiều bao đỏ lì xì, nhưng trong đó không có tiền lì xì...

Mọi người cười ồ. Đạo sư cũng tươi cười, ra dấu cho trưởng tràng tiếp tục trình bày.

Vẽ: Trần Bửu Long



- Mỗi bao lì xì đựng một bài thơ xuân ngắn, đậm mùi đạo lý và đạo hiếu, do sư đệ quản thủ Tàng Kinh Các dày công tuyển chọn trong nguồn kinh sách của nhiều tôn giáo. Đó là lời chúc xuân tao nhã của đạo viện dành cho các gia đình và thân hữu, cũng như thiện nam tín nữ tham dự lễ tất niên. Đại diện mỗi gia đình dự lễ sẽ bước lên sân khấu tự chọn một bao lì xì, gọi là hái lộc mừng xuân. Con hay cháu vị ấy đang tu ở đạo viện chúng ta cũng sẽ lên sân khấu, đứng bên cạnh để ngâm thơ, gọi là mừng tuổi người thân của mình. Ai không biết ngâm thì đọc thơ theo kiểu diễn cảm. Mỗi bài thơ có đánh số, như vậy cũng là cách bốc thăm để chọn quà xuân lưu niệm. Mỗi tu sinh, tu sĩ trong

đạo viện đều chuẩn bị một món quà xuân nho nhỏ. Quà ấy được gói đẹp, xếp ở góc chậu mai. Mỗi món quà có đánh số, trùng với con số ghi trên bài thơ. Như vậy, quà của người này chuẩn bị sẽ được ngẫu nhiên tặng cho gia đình của đồng đạo mình...

Sau khi trưởng tràng dứt lời, các huynh đệ phụ trách trang trí, ẩm thực, văn nghệ, dọn dẹp... lần lượt trình bày phần việc của mình. Cuộc họp diễn ra nhanh, gọn, trong bầu khí hân hoan, hòa ái của đạo viện.

Trở về phòng, đạo sư bắt gặp vẻ mặt đượm nét buồn buồn của trà đồng. Ngài chạnh lòng vì đã đoán biết được lý do, nhưng vẫn dịu dàng hỏi chú nhỏ sớm chịu cảnh mồ côi:

- Con sao thế?

Trà đồng bật khóc:

- Con đâu còn ai để mời tới lễ tất niên!

18-01-2014

GGvDT số 1942-1943 (Xuân Giáp Ngọ)

ĐÁ VÀ NGƯỜI

*Ngày hôm nay, nếu các người
nghe tiếng Chúa, thì chớ cứng lòng...*⁽¹⁾

Thư Gởi Tín Hữu Do Thái 3:7-8

Đạo Sinh 道生 chào đời khoảng năm 355 hay 360 tại Bành Thành 彭城, cũng gọi Từ Châu 徐州; thoát trần năm 434. Ngài họ Ngụy nhưng đổi thành họ Trúc khi học đạo với Trúc Pháp Thái 竺法汰 (320-387) tại thành Kiến Khang 建康. Về sau học thêm với sư Huệ Viễn 慧遠 (334-416) tại Lư Sơn 廬山, rồi lại tới kinh thành Trường An tu nghiệp chừng hai, ba năm (khoảng từ 405) với Quốc Sư Cưu Ma La Thập 鳩摩羅什 (*Kumārajīva*, 334-413), và phụ giúp thầy dịch kinh Phật ra chữ Nho.

Là bậc cao tăng xuất chúng, bằng trực giác mẫn tuệ, sư Đạo Sinh tự nghiệm ra một lý lẽ rất cao siêu và công khai thuyết giảng rằng ai ai cũng có Phật tính, ai ai cũng đều có thể thành Phật, kể cả những kẻ không đủ đức tin mà nhà Phật gọi là *xiển đề* hay *nhất xiển đề* 一闡提 (*icchantika*).

Tư tưởng đại thừa của Đạo Sinh lập tức bị quy kết là tà

⁽¹⁾ *Today, if you hear His voice, do not harden your hearts...*

vạy, phá hoại chánh pháp. Bị trục xuất khỏi cộng đồng tăng chúng, sư phải lui về ẩn dật tại chốn núi non hoang vắng (khoảng năm 430).

Đến khi *Kinh Đại Bát Niết Bàn* lần đầu tiên có bản dịch chữ Nho, tăng chúng đọc thấy câu: *Tất cả mọi chúng sinh đều có Phật tính, đều có thể tu học thành Phật.*⁽²⁾ Thế là thiên hạ bèn xúm nhau ca tụng trí tuệ của Đạo Sinh, rần rần lên núi, tranh nhau rước sư về chùa mình thuyết pháp!

Đây là chuyện tôi nghe:

Một buổi chiều đang tản bộ trong khuôn viên đạo viện, khi đi qua lương đình, trưởng tràng bắt gặp trà đồng đứng ngắm nghĩa tảng đá lớn trang trí chỗ nghỉ mát. Thấy trà đồng mấy lần để tay lên tảng đá như muốn thử lay chuyển, trưởng tràng ngạc nhiên bước tới hỏi:

- Hiền đệ làm chi đó?

Giật mình, chú nhỏ quay phắt lại, bẽn lẽn:

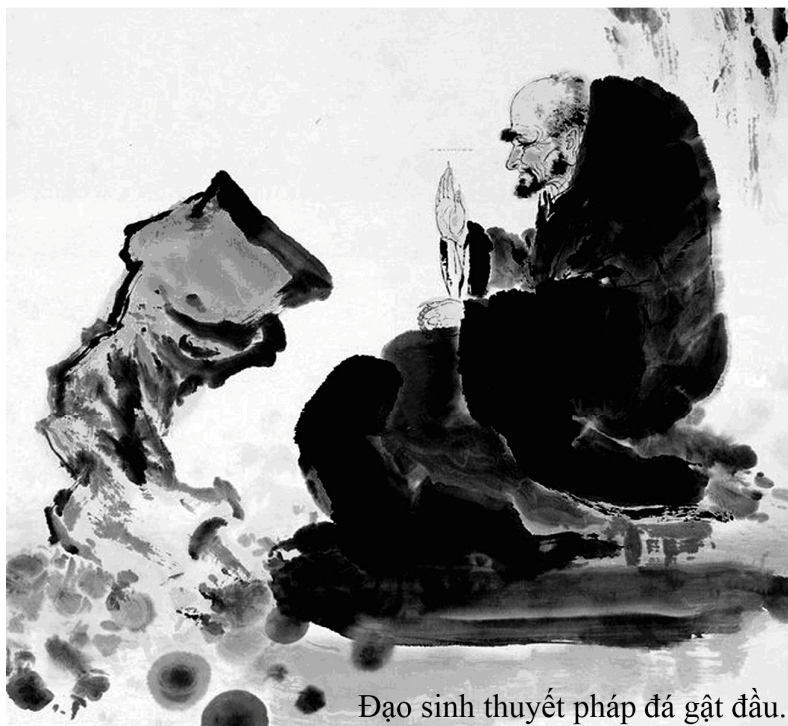
- À, à... Đệ muốn xem thử tảng đá này có nhúc nhích được không.

- Ủa! Chi vậy?

Ngập ngừng một lúc rồi trà đồng nói:

- Đệ đọc sách, thấy kể chuyện sư Đạo Sinh bị tăng chúng trục xuất, ngài lui về núi vắng ẩn dật. Giữa chốn

⁽²⁾ 一切眾生皆有佛性，學得成佛。(大般涅槃經) *Nhất thiết chúng sinh, giai hữu Phật tính, học đắc thành Phật.*



Đạo sinh thuyết pháp đá gật đầu.

hoang vu, ngài thuyết pháp cho mấy tảng đá nghe, nói hay đến nỗi đá cũng gật gù tán thưởng.

Trưởng tràng phì cười:

- Ồ, tích này huynh có biết. Câu chữ Nho như vậy: *Sinh công thuyết pháp, ngoạn thạch điểm đầu.*⁽³⁾ (Ông Sinh

⁽³⁾ 生公說法，頑石點頭.

thuyết pháp, đá ngu si gật đầu.) Té ra đệ muốn thử xem tảng đá này có biết gật đầu không hả? Đệ thuyết pháp cũng thần diệu lắm sao?

- Đâu có! Đệ chỉ thấy chuyện hoang đường. Đá cứng ngắc như vậy, làm sao biết gật đầu?

Trưởng tràng lại cười:

- Dân Trung Hoa xưa nay đứng số một về tài nói thậm xưng. Muốn nói việc gì xảy ra rất dữ dội thì họ tán là *kinh thiên động địa, quỷ khóc thần sầu*. Hành tung khó biết thì khen là *xuất quỷ nhập thần*. Đàn bà đẹp thì khen là *trầm ngư lạc nhạn* mà dân mình bảo *chim sa cá lặn*... Suy ra, họ nói *ngoan thạch điểm đầu* (đá tuy vô tri cũng phải gật đầu) thì chẳng khác gì dân mình bảo *rắn trong lỗ bò ra*.

Ngẫm nghĩ một thoáng, trưởng tràng nói tiếp:

- Theo huynh, mấy chữ *đá gật đầu* nên hiểu theo nghĩa bóng. Phật pháp nhiệm mầu, qua tài thuyết giảng của sư Đạo Sinh càng thêm linh diệu. Nếu đá vô tri mà còn thấm thía, biết cảm thông thì há con người lại không lay chuyển được lòng mình hay sao? Trong Kinh Thánh Tân Ước có thuật ngữ *cứng lòng* rất hay. Con người không biết chuyển tâm về đường đạo để tìm tới chánh pháp tu học thì lòng họ quá chai cứng rồi, cứng lòng còn hơn mấy tảng đá của sư Đạo Sinh nữa kìa!

05-3-2014

CGvDT số 1947, ngày 07-3-2014

GẦN VÀ XA

Đây là chuyện tôi nghe:

Trà đồng mang sách trả Tàng Kinh Các. Sư huynh quản thủ trên:

- Đệ đọc nhanh thế! Không khéo biệt danh “con một sách” phải trao lại cho hiền đệ sớm thôi.

Trà đồng cười:

- Còn khuya đệ mới giành được mỹ hiệu của sư huynh. Sách này vui quá, đệ bị cuốn hút nên đọc mau hết.

- Vậy ư? Có chuyện gì thú vị kể huynh nghe với.

- Tác giả kể rằng bữa nọ Đức Khổng Thánh đi dạo, dọc đường gặp hai thằng nhóc đang cãi nhau rất hăng. Thằng Giáp nhứt quyết rằng mặt trời mới mọc thì gần, vì nhìn thấy mặt trời rất to; đến giờ Ngọ thì xa, vì nhìn thấy mặt trời nhỏ lại. Thằng Ất không chịu. Nó nói mặt trời mới mọc buổi sớm mai ở xa nên không khí mát mẻ; đến trưa mặt trời gần hơn nên nóng hừng hực. Đức Khổng không phân xử được ai đúng ai sai. Hai thằng nhóc cười ngất, bảo nhau: “Vậy mà thiên hạ cứ khen ông này hiểu rộng biết nhiều!”

Sư huynh quản thủ bẹo má chú em, cười:

- Chuyện này trích từ sách Liệt Tử đó. Gần và xa là một tương quan thuộc về không gian hay địa lý, nhưng nó còn là tương quan thuộc về tâm lý nữa.

Trà đồng ngơ ngác. Sư huynh quản thủ ngẫm nghĩ một thoáng rồi lấy tờ giấy và cầm bút viết luôn một câu chữ Nho dài ngoằng:

- Đệ thọ giáo với sư huynh trưởng tràng tới đâu rồi? Đọc và dịch câu này thử xem.

Thấy toàn là những chữ dễ, đã học từ lâu, trà đồng mừng ra mặt, bèn đọc và dịch:

- *Tu đạo nhất niên Phật tại tiền; tu đạo thập niên Phật tại thiên biên.*⁽¹⁾ Tu đạo một năm Phật ở trước mặt; tu đạo mười năm Phật tại ven trời.

- Giỏi lắm! Nhưng đệ có hiểu không?

Trà đồng lắc đầu. Sư huynh thông cảm:

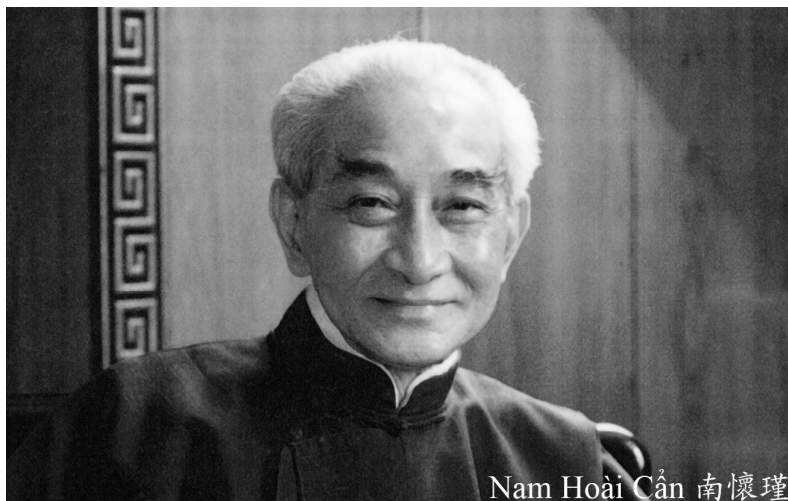
- Câu này lý đạo rất sâu sắc. Đễ tự răn mình đừng lơ lỏng, giới tu hành truyền tụng qua nhiều đời, do đó phát sinh vài dị bản. Nam Hoài Cẩn là một cư sĩ Trung Quốc nổi tiếng uyên thâm Đạo học. Ông truyền lại câu nói như sau...

Sư huynh viết thoăn thoắt lên mặt giấy. Trà đồng đọc và dịch:

- *Học Phật nhất niên, Phật tại nhãn tiền; học Phật lưỡng niên, Phật tại đại diện; học Phật tam niên, Phật tại Tây thiên.*⁽²⁾ Học Phật một năm, Phật ở trước mắt; học Phật hai

(1) 修道一年佛在前，修道十年佛在天邊。

(2) 學佛一年，佛在眼前；學佛兩年，佛在大殿；學佛三年，佛在西天。(南懷瑾)



năm, Phật trong chánh điện; học Phật ba năm, Phật tại Tây phương.

Ngẫm nghĩ hồi lâu, trà đồng nói tiếp:

- Lạ quá, sư huynh! Ông Socrates bảo càng học nhiều càng thấy mình dốt.⁽³⁾ Đệ hiểu đó là đức khiêm tốn trong học thuật. Nhưng nói rằng càng tu lâu năm càng thấy Phật cách xa mình hơn, thì phải chăng nghịch lý? Hay là cư sĩ Nam Hoài Cẩn có ngụ ý gì khác?

- Sâu sắc chính ở chỗ đó. Khi mới phát tâm tu hành, phần đông chúng ta rất siêng năng, hăng hái, nghiêm túc

⁽³⁾ Socrates nói: *The more I learn, the more I learn how little I know.* Albert Einstein nói tương tự: *The more I learn, the more I realize how much I don't know.*

đàng hoàng. Với tâm lý đó, thái độ đó, chúng ta cảm thấy mình sắp đắc đạo tới nơi rồi. Bởi vậy mà người xưa bảo tu đạo một năm, Phật ở trước mặt, gần gũi. Tương tự, ông Nam cư sĩ nói học Phật một năm, thấy Phật hiển hiện trước mắt mình.

Tu thêm thời gian nữa thì bắt đầu dễ duôi chểnh mảng, quy giới lỏng lẻo, kinh kệ bữa đực bữa cái... Phật không còn sống động trong tâm tưởng người tu nữa, chỉ khi nào vào chánh điện cúng bái thì mới thấy pho tượng Phật trên bàn thờ; nên ông cư sĩ bảo rằng tu hai năm thấy Phật trong chánh điện.

Cứ theo đà suy thoái đó, tu thêm thời gian nữa thì chỉ còn giữ hình thức bề ngoài là người tu, còn trong tâm ý chang kẻ trần tục chưa tu. Lúc này tâm người ấy cách xa Phật quá chừng quá đổi, nên cổ nhân bảo tu đạo mười năm Phật tại ven trời; ông cư sĩ bảo học Phật ba năm thì Phật tận bên Tây phương xa vắng.

Nhưng còn nghĩa này thâm thúy hơn: Nhiều người tu học lâu năm hay tự phụ mình tài giỏi, hoặc tự đắc với phẩm trật chức sắc của mình, và sinh lòng kiêu ngạo mà kinh Phật gọi là cống cao ngã mạn. Tâm địa như vậy thì đâu còn là tâm Phật nữa. Phật không ngự trong tâm họ mà ở tít ven trời, ở tuốt bên Tây phương cực lạc.

19-02-2014

CGvDT số 1945, ngày 21-02-2014

HAI CÁI HŨ

*Nếu cơ Đạo không trải qua
những giờ phút đen tối như hiện tình,
thì ngày thành đạo, con nào cũng là
trang quả cảm hy sinh cả,
như vậy sao gọi có luật công bình.⁽¹⁾*

Đức Chí Tôn

*Cao Đài Đại Đạo cũng như người tín đồ,
Thầy chỉ đánh giá lúc ngặt nghèo,
chớ bình thường thì chẳng biết
ai là người tâm đạo, ai là kẻ có lòng.⁽²⁾*

Đức Chí Tôn

Đây là chuyện tôi nghe:

Một nhóm môn sanh sắp rời đạo viện để đem công phu nhiều năm tu học đi vào cuộc đời. Trước ngày tiễn chân, đạo sư cho vời tất cả học trò họp lại để huấn dụ.

Mọi người không khỏi ngạc nhiên khi thấy trên chiếc bàn trước mặt đạo sư bày sẵn hai hũ gốm nhỏ, giống hệt nhau. Mỗi hũ đặt trong một cái khay.

⁽¹⁾ Huồn Cung Đàn, 14 rạng 15-02-1961.

⁽²⁾ Huồn Cung Đàn, 15 rạng 16-12-1963.



Đạo sư nói:

- Các con thấy đó! Hai hũ gốm này rất hoàn hảo, cùng xuất xưởng từ một khuôn, một lò, thế nên mọi chi tiết đều giống hệt nhau. Vậy mà vẫn có chỗ khác biệt. Các con có biết khác biệt chỗ nào không?

Mọi người lặng thinh. Một lúc sau, có anh rụt rè xin phép trả lời:

- Thưa thầy, nhìn kỹ bên ngoài chẳng thấy khác gì hết. Vậy, con đoán là khác cái ruột, cái đang chứa trong từng hũ.

Đạo sư mỉm cười gật đầu. Ngài gạt nhẹ tay, cái hũ thứ nhất lật ngang, những hạt gạo trắng muốt đổ tràn ra khay.

Thêm lần gạt tay nữa, cái hũ thứ hai lật ngang, những hạt sỏi lụn vụn đổ tràn ra khay.

Dựng lại hai cái hũ cho ngay ngắn, chờ một lúc cho môn đệ có thời gian suy gẫm, đạo sư hỏi:

- Các con nghiệm ra được điều chi không?

Một anh đáp:

- Thưa thầy, khi hai cái hũ còn đứng vững, nhìn bên ngoài giống y như nhau. Chỉ khi bị lật nhào, ta mới biết bên trong chúng khác biệt ra sao.

- Đúng vậy đó, các con. Đơn giản như thế đó, các con. Khi các con đem sở học của mình vào đời, làm trang hướng đạo giúp đời, hãy sẵn sàng đón nhận nghịch cảnh phũ phàng. Chí nguyện các con càng lớn thì nghịch cảnh lại càng lớn hơn để thử thách lòng dạ các con. Khi an lành suôn sẻ, các con đều dễ dàng tỏ ra mình là bậc chân tu thánh thiện, trông ai cũng giống như ai. Chừng nào gặp nghịch cảnh trái ngang dữ dội, như hai cái hũ lúc này bị lật nhào, nghiêng đổ... bấy giờ gan ruột bên trong mới phơi bày hết ra ngoài.

Xưa nay và mai sau rồi vẫn cứ theo quy luật ấy, các con ơi! Vào thế kỷ thứ tư trước Công Nguyên, Đức Mạnh Tử đã cảnh báo những bậc anh hào muốn giúp đời, cứu thế bằng những lời tâm huyết như sau:

Hễ Trời định phó thác đại nhiệm cho người nào, trước hết phải làm cho người ấy khổ não tâm trí, lao nhọc gân cốt, đói khát cầu bơ cầu bất, nghèo nàn thiếu trước hụt sau, và làm rối loạn, điên đảo các việc làm của người ấy. Làm thế để mà phát động lương tâm của người, cho nhẫn kiên

tánh tình của người, và gia tăng tài đức còn khiêm khuyết của người.⁽³⁾

Cái đại nhiệm hay trách nhiệm lớn lao ấy sang thế kỷ Mười Chín được nhà thơ Cao Bá Quát diễn tả tài hoa, bóng bảy thế này:

*Ngất ngưỡng thay con Tạo khéo cơ cầu
Muốn đại nhiệm hãy dìm cho lúng túng.*

Một số trong các con nơi đây sắp sửa rời mái ấm đạo viện thương yêu này để mang đại nhiệm đi vào cõi đời gian hiểm bất trắc. Nhưng tiền đồ các con sẽ chẳng đơn giản chỉ là *lúng túng* như thơ Cao Chu Thần đâu! Bởi thế, thầy hằng mong ước và nguyện cầu cho các con mai kia, vào những lúc cực kỳ cô đơn giữa vô vàn bất trắc bủa vây, các con vẫn vững vàng khí tiết để mà giữ trọn danh thầy danh đạo, để mà chiêm nghiệm cho thấm thía lời thư Thánh Phaolô gửi tín hữu Côrintô: *Thiên Chúa đã đặt các tông đồ chúng tôi ở vị trí mạo hạng, giống như những kẻ bị kết án tử hình.*⁽⁴⁾

18-3-2014

CGvDT số 1949, ngày 21-3-2014

⁽³⁾ Mạnh Tử: Cáo Tử, Chương Cú Hạ, 15.

⁽⁴⁾ *God has exhibited us apostles as last of all, like men sentenced to death.* (I Côrintô 4:9)

NHIỀU NHƯ LÁ ME

Đây là chuyện tôi nghe:

Hôm ấy, đạo sư mở đầu bài giảng với một nhập đề hơi... lãng mạn. Ngài nói:

- Nay các con, một số nơi có những con đường râm mát với hai hàng me chạy sóng đôi. Con gió thổi qua, lá me rụng rơi lả tả như mưa bay, bám vào tóc vào áo người đi đường. Hình ảnh lãng mạn này đã đi vào thơ vào nhạc trữ tình. Thầy nhớ, dường như một nhạc sĩ đã viết: *Con đường có lá me bay / Chiều chiều ta lại cầm tay nhau về...*⁽¹⁾

Các môn sinh cười ồ. Có người tinh nghịch, nhưng chỉ dám nói khe khẽ:

- Hát luôn đi, thầy!

Đạo sư nở nụ cười từ ái, bao dung. Đợi cho bầu khí lắng xuống, ngài thông thả tiếp tục câu chuyện:

- Các con, loại me thầy đang nói đây có nguồn gốc bên châu Phi, chủ yếu là Sudan, nhờ di thực nên có mặt ở nhiều nước nhiệt đới cả mấy ngàn năm trước Công Nguyên. Người Anh gọi me là *tamarind*, xuất phát từ tiếng Ả Rập *tamr hindi* (chà là Ấn Độ), có lẽ vì họ nhìn thấy loại cây này lần đầu tiên ở Ấn Độ, quê hương Đức Phật.

⁽¹⁾ Nhạc sĩ Hoàng Hiệp (1931-2013).

Các con biết không, trong một chuyện về Đức Phật, người Ấn nhắc tới cây me như sau:

Ngày hè quang đấng nọ, Đức Phật thông dong tản bộ theo đường mòn xuyên qua rừng. Dọc đường, Ngài gặp một người đang thiết tha cầu nguyện, dáng vẻ khổ sở.

Nhận ra Phật Tử, người ấy liền sụp lạy, khóc lóc:

“Kính bạch Đức Thế Tôn, đời con cay đắng đón đau muôn phần! Con từng là kẻ giàu sang sung sướng tốt bụng, nhưng rồi số phận trớ trêu nghiệt ngã, những người con tin yêu nhất lại nỡ tước đoạt hết tài sản của con. Giờ đây con thảm hại thế này, chẳng ai thêm ngó ngàng. Con còn phải luân hồi bao nhiêu kiếp nữa mới được giải thoát?”

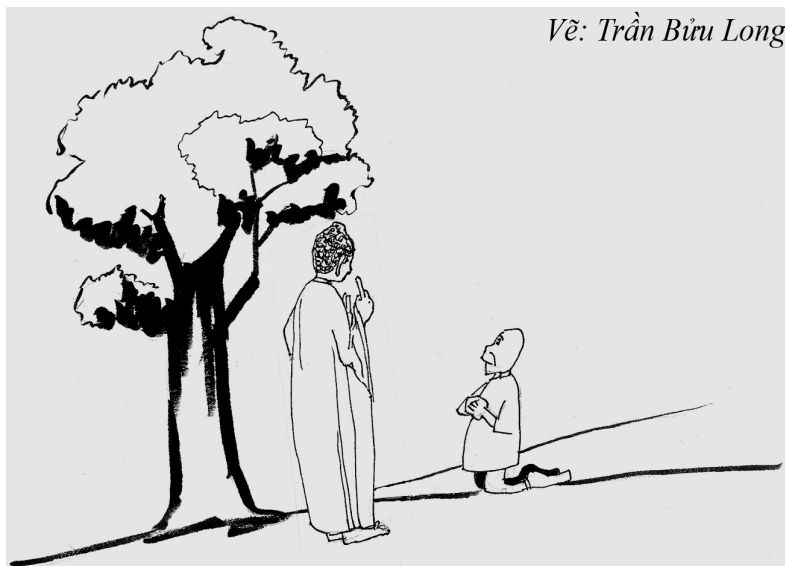
Chỉ vào cây xoài mọc bên đường, Phật Tử bảo:

“Ông thấy cây xoài đó chứ? Cây xoài có bao nhiêu trái thì ông còn phải luân hồi bấy nhiêu lần mới được giải thoát khỏi trần gian khổ ải.”

Nhìn thấy cây xoài sai trái trĩu cành, con người đáng thương kia bèn gào lên thảm thiết, liền miệng than trời trách đất.

Đức Phật lại thông thả bước đi. Thêm chặng đường nữa, Ngài gặp một người quỳ bên đường cầu khẩn thống thiết:

“Kính bạch Đức Như Lai, đời con khổ quá! Tất cả những người con yêu thương đều bị thần chết dắt đi hết rồi! Giờ đây con kéo dài ngày tháng phiền não trong cảnh lẻ loi cô độc. Con còn phải luân hồi bao nhiêu kiếp nữa mới được giải thoát?”



Vẽ: Trần Bửu Long

Chỉ vào vạt hoa rừng mọc um tùm bên vệ đường, Đức Phật bảo:

“Ông thấy những cánh hoa đó chứ? Có bao nhiêu đóa hoa thì ông còn phải luân hồi bấy nhiêu lần mới được giải thoát khỏi trần gian khổ ải.”

Nhìn thấy cơ man cánh hoa chen chúc nhau, con người đáng thương kia bèn gào lên thảm thiết, liền miệng than trời trách đất.

Đức Phật lại thông thả bước đi. Thêm chặng đường nữa, Ngài gặp một người quỳ bên đường cầu khẩn thống thiết:

“Kính bạch Đức Từ Bi, đời con khổ quá! Hết ngày này

qua ngày khác con làm quần quật như nô lệ dưới ánh nắng gay gắt. Đêm đêm con chỉ được đặt tấm lưng rã rời trên lớp cỏ khô phủ sơ sài lên nền đất lạnh lẽo ẩm ướt. Đời con bấy lâu chỉ biết đói khát cô đơn. Con còn phải luân hồi bao nhiêu kiếp nữa mới được giải thoát?”

Chỉ vào cây me cổ thụ mọc bên vệ đường, Đức Phật bảo:

“Ông thấy tàn me đó chứ? Có bao nhiêu lá me thì ông còn phải luân hồi bấy nhiêu lần mới được giải thoát khỏi trần gian khổ ải.”

Ngẩng lên nhìn lớp lớp lá me xanh rì chi chít dày đặc, con người đau khổ kia nở nụ cười sung sướng, reo lên:

“Tạ ơn Đức Từ Bi. Vậy thì rốt cuộc con cũng sẽ có ngày được giải thoát!”

Đức Phật cúi xuống, đỡ ông ta dậy:

“Lành thay! Lành thay! Con hãy đi theo thầy.”

Kể tới đó, đạo sư ngừng lại, yên lặng đưa mắt nhìn khắp hàng môn đệ, như muốn thăm dò những cảm nghĩ của học trò được bộc lộ qua ánh mắt, trên vẻ mặt.

Rồi ngài tiếp tục:

- Các con, có lẽ do sự tích này mà người Án xem những hạt me (không phải lá me) là biểu tượng của đức nhẫn nại, lòng tin thành.

21-11-2012

CGvDT số 1835, ngày 23-11-2012

TRONG BÀN TAY BẬC THẦY

*Vậy anh em hãy tự khiêm tự hạ
dưới bàn tay đầy quyền năng của Thượng Đế,
để đến lúc đã định thì
Ngài sẽ nâng đỡ, cất nhắc anh em lên.*⁽¹⁾

Thư 1 của Thánh Phêrô, 5:6

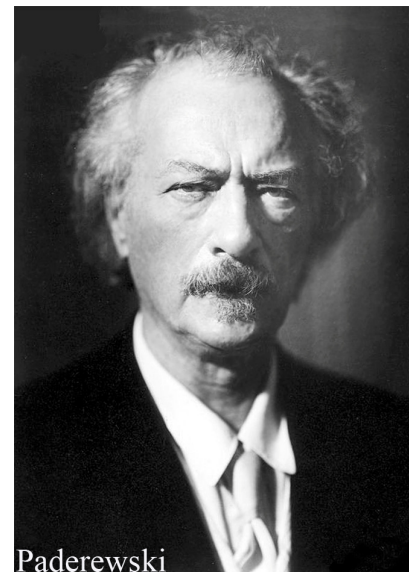
Đây là chuyện tôi nghe:

Một hôm rằm, trong buổi giảng thường lệ hàng tháng, đạo sư kể cho môn sinh câu chuyện về Ignacy Jan Paderewski (1860-1941).

Trước khi làm thủ tướng kiêm bộ trưởng ngoại giao Ba Lan vào năm 1919, Paderewski là nhà soạn nhạc kiêm nghệ sĩ dương cầm trứ danh của Ba Lan, tên tuổi vang lừng thế giới. Ông được thưởng huân chương cao quý nhất của hoàng gia Anh là Hiệp Sĩ Đại Thập Tự (*GBE: Knight Grand Cross*).

Chuyện kể rằng một bà mẹ muốn khuyến khích cậu bé con yêu quý hăng say học dương cầm, nên đã đưa cục cung đến dự buổi biểu diễn rất danh giá của Paderewski.

⁽¹⁾ *Humble yourselves, therefore, under God's mighty hand, that he may lift you up in due time.*



Paderewski

Dắt con ngồi đúng chỗ rồi, bà nhạc thấy người bạn thân trong số khán giả đông đảo. Căn dặn con cứ ngồi yên đó, bà liền rời hàng ghế để tới chào bạn.

Để gì mà chịu bó chân một chỗ, ngay sau đó chú bé đã lơn ton dạo bước loanh quanh trong thính phòng rộng lớn, mắt hết ngó ngang lại ngó dọc cho thỏa mãn tính hiếu kỳ. Cuối cùng, chú thấy mình bị bít lối. Trước mặt chú là cánh cửa khép hờ. Trên cửa gắn tấm bảng nhỏ: **KHÔNG PHẬN SỰ CẢM VÀO.**

Đèn đóm mờ đi báo hiệu buổi biểu diễn sắp bắt đầu. Bà mẹ tạm biệt bạn và lật đật trở về chỗ ngồi. Thấy hai chiếc

ghé trông tron, bà hoảng vía. Nhưng làm sao đi tìm trẻ lạc giữa lúc ấy được! Bởi tấm màn nhung đỏ thẫm đang chậm rãi dạt hết về hai bên, và mấy ngọn đèn pha vừa phụt sáng, chiếu thẳng vào cây đàn dương cầm sang trọng của hãng Steinway đang uy nghi ngự trị trên sân khấu.

Cũng như bà mẹ ấy, mọi khán giả đều sững sốt khi thấy chú bé to gan đang ngồi trước cây đàn đắt giá, hồn nhiên gõ lên từng phím, vụng về đánh một bài tập dành cho trẻ con.

Kìa, Paderewski vừa bước ra sân khấu. Ông điềm nhiên rảo chân tới sau lưng chú, cúi thấp xuống để thì thầm bên tai: “Con cứ tiếp tục!”

Rồi hơi chồm lên tấm lưng bé bỏng kia, Paderewski đưa bàn tay trái điêu luyện của mình đệm giúp chú phần bass; cùng lúc, bàn tay phải của thiên tài lướt nhanh trên bàn phím, phụ họa thêm một phần đệm khác.

Cả thính phòng ngạc nhiên thích thú, đôi mắt chiêm ngưỡng một trẻ thơ non nớt ngón đàn cùng hợp tấu với bậc thầy nức tiếng trong nghề.

Kết thúc, chú bé ngoái cổ ngẩng nhìn Paderewski và nhoèn miệng cười thật xinh. Ông cũng nở nụ cười hiền hậu, bàn tay vờ nhẹ mái tóc non tơ mềm mại, rồi giúp chú nhỏ đứng dậy, trả ghế trả đàn cho ông...

Chứng kiến trọn vẹn sự kiện ngoạn mục hy hữu ấy, chẳng ai bảo ai, tất cả khán giả đồng loạt đứng dậy và thính phòng rộng lớn lập tức òa vỡ những tràng pháo tay liên hồi giòn giã.

Kể xong chuyện, đạo sư im lặng một lúc, như để các môn sinh có đủ thời gian suy gẫm. Rồi ngài từ tốn bảo:

- Các con! Chú bé hôm ấy nào đã giỏi gì, tài nghệ có ra chi. Nhưng nhờ danh gia như Paderewski đệm đàn phụ họa, chú tình cờ đã trở thành nghệ sĩ không mời của đêm diễn. Bàn tay điêu luyện của Paderewski đã biến bài tập dương cầm với bàn tay non nớt của trẻ thơ trở thành giai điệu tuyệt vời.

Chúng ta cũng thế thôi, các con ơi! Chung quy chúng ta chỉ là những trẻ con non dại vụng về trước Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng. Những cái mà chúng ta cho là tài cán, siêu quần bạt tụy, xét ra nào có đáng chi trước các Ngài.

Rồi mai đây các con sẽ rời đạo viện này, đem sở đắc tu học của các con đi vào cuộc đời muôn phần bắt trắc. Nếu các con may mắn làm tốt đẹp việc gì và được tán thưởng, thì chớ vội tự đắc mà cao ngạo. Nhưng quan trọng hơn, nếu các con còn non kém một mặt nào đó, đừng thối chí ngã lòng. Hãy lắng nghe tiếng Thượng Đế thủ thi bên tai mình: “Con cứ tiếp tục.”

Thượng Đế yêu các con vì biết các con yếu kém. Ngài sẽ nâng đỡ, phù trì các con, miễn là các con biết khiêm tốn. Trong bàn tay của Thượng Đế, có gì mà các con không làm được?

26-02-2014

CGvDT số 1946, ngày 28-02-2014

BỐN NGỌN NẾN

*Hơn thế nữa, chúng ta còn vui
trong những lúc khổ đau,
khi biết rằng đau khổ mang lại chịu đựng,
và chịu đựng mang lại nghị lực,
và nghị lực mang lại hy vọng,
và hy vọng không đẩy chúng ta vào hố thẳm...*

Rôma 5:3-4

*Không tiếc vui nào mà chẳng tàn,
không màn hát nào mà chẳng vãn,
không cơn mưa nào mà chẳng tạnh,
không có đêm trường nào mà chẳng sáng,
và cũng không có cuộc loạn ly nào mà không trị.*

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư
Minh Lý Thánh Hội
22-9 Kỷ Dậu (01-11-1969)

*Vì có một niềm hy vọng như thế
mà chúng ta thật vững dạ an lòng.*

2 Côrintô 3:12



Đây là chuyện tôi nghe:

Trong gian phòng nhỏ, trên mặt bàn nhỏ có thấp sẵn bốn ngọn nến xếp cạnh nhau. Ánh lửa lung linh, tạo nên vẻ huyền ảo cho không gian bé nhỏ, tĩnh lặng. Vâng, rất tĩnh lặng, để có thể lắng nghe tiếng thì thầm của từng ngọn nến.

Ngọn nến thứ nhất than thở:

- Tôi là *Hòa Bình*. Đòi bây giờ đâu còn ai thực lòng muốn nuôi dưỡng ánh sáng của tôi nữa! Ai cũng mượn danh tôi mà gây hấn, đấu tranh, tàn hại lẫn nhau. Người ta càng hô vang tên tôi thì chiến tranh càng thêm dữ dội, càng lan rộng hơn. Thôi thì... chào các bạn, tôi đi đây.

Nói xong, ngọn lửa nhỏ chao đi rồi lịm tắt. Một sợi khói rất mỏng tỏa lên và tan nhanh.

Ngọn nến thứ hai than thở:

- Tôi là *Đức Tin*. Đòi bây giờ đâu còn ai thực lòng muốn nuôi dưỡng ánh sáng của tôi nữa! Người ta mượn danh tôi mà mua thần bán thánh. Thậm chí lắm kẻ đã nương thân trong cửa tôn giáo mà lại còn cả gan làm nhiều điều tệ hại vì họ không tin có Trời Phật, Thánh Thần. Thôi thì... chào hai bạn, tôi đi đây.

Nói xong, ngọn lửa nhỏ chao đi rồi lịm tắt. Một sợi khói rất mỏng tỏa lên và tan nhanh.

Ngọn nến thứ ba than thở:

- Tôi là *Tình Thương*. Đòi bây giờ đâu còn ai thực lòng muốn nuôi dưỡng ánh sáng của tôi nữa! Người ta mượn danh tôi mà bóc lột nhau, đày đọa nhau. Thậm chí họ còn không thương được kẻ ruột thịt, máu mủ của họ nữa thì chớ mong chi họ thương đồng bào, đồng loại. Thôi thì... chào anh bạn, tôi đi đây.

Nói xong, ngọn lửa nhỏ chao đi rồi lịm tắt. Một sợi khói rất mỏng tỏa lên và tan nhanh.

Ngọn nến thứ tư sau cùng lên tiếng:

- Tôi là *Hy Vọng*. Ba anh bạn của tôi yếu đuối quá! Sao lại phải tự tắt đi? Sao không cố mà cháy lên cho cạn hết đời nến của mình? Dù hoàn cảnh trở trêu, ngang trái thế nào chăng nữa, các anh cũng phải làm cho trọn vẹn chức năng đặt để của mình. Là nến thì phải tỏa sáng chứ!

Nói xong ngọn nến thứ tư nghiêng mình thấp xuống, lần lượt mỗi ngọn lửa sang ba người bạn.

Giờ đây cả bốn ngọn nến lại cùng tỏa sáng.

27-7-2013

CGvDT số 1918, ngày 02-8-2013

CON THUYỀN ĐỨC TIN

Thầy đưa thuyền từ ra bể khổ để vớt vạn linh sanh chúng mà mỗi con là mỗi chơn linh trong vạn linh, mỗi chúng sanh trong chúng sanh, chỉ khác một điều là đưa giác ngộ thì lên thuyền, còn đưa chưa giác ngộ thì ở lại.⁽¹⁾

Đức Chí Tôn

Tại Vatican, Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI đã công bố Năm Đức Tin, mở màn từ ngày 11-10-2012 và sẽ khép lại vào ngày 24-11-2013. Năm Đức Tin ra đời trong hoàn cảnh nhân loại đang khủng hoảng đức tin!

Biểu tượng của Năm Đức Tin là một hình vuông, bên trong là con thuyền đang lướt sóng. Con thuyền tượng trưng cho Giáo Hội Công Giáo. Góc trái trên hình vuông là một vòng tròn tượng trưng Thánh thể (*the Eucharist*), làm nền cho cột buồm là thánh giá với cánh buồm no gió được tạo hình bằng ba chữ cái IHS lồng vào nhau. IHS viết tắt từ *Iesus (Jesus) Hominum Salvator*, có nghĩa: *Đức Giêsu Đấng Cứu Độ Loài Người*.

Tôi thấy biểu tượng này rất gần gũi với giáo lý nhà Phật và Cao Đài.

⁽¹⁾ Thiên Lý Đàn, 07-11-1965.



Trước hết, giáo lý nhà Phật và Cao Đài quan niệm đời là biển khổ, con người là những chúng sanh đang lặn hụp, chìm đắm trong biển khổ do tham dục, sân si... Tôn giáo là con thuyền cứu vớt chúng sanh chở vào bến bờ giải thoát. Do đó mà cũng nói là *cứu độ*, vì độ là chở qua sông qua biển đưa sang tới bờ bên kia.

Qua tới bờ bên kia (*đáo bỉ ngạn*) tức là *paramita* (*ba la mật đa*). Trí huệ bát nhã (*prajna*) hay bát nhã ba la mật đa (*prajna paramita*) giúp con người đoạn lìa tham dục, sân si mà đến chỗ giải thoát. Cho nên trí huệ bát nhã được hình tượng hóa là con thuyền cứu độ người đời thoát ra khỏi biển khổ. Trong đạo Phật và Cao Đài có thuật ngữ *thuyền*

bát nhã, các học giả Anh Mỹ dịch là *prajna boat*. Con thuyền này cũng gọi khác đi là *từ hàng*. Hàng là con thuyền; từ là từ bi, tấm lòng thương xót của các Đấng giáo chủ đau đáu lo cứu khổ nạn đời. Kinh Phật và Cao Đài có nhắc tới Đức *Từ Hàng Bồ Tát*, phương Tây dịch là *Mercy Boat Bodhisattva*.

Tóm lại, con thuyền trong biểu tượng Năm Đức Tin cũng là con thuyền bát nhã hay chiếc từ hàng; ngọn sóng đẩy thuyền là sóng nước biển khổ trần gian. Những hình ảnh này rất truyền thống, rất quen thuộc trong đạo Phật và Cao Đài. Vòng tròn làm nền cho cánh buồm là hình ảnh mặt trời. Tôi nghĩ đến hai câu mở đầu bài *Khai Kinh* khi cúng tứ thời trong đạo Cao Đài:

*Biển trần khổ vơi vơi trời nước
Ánh thái dương gội trước phương Đông...*

Mặt trời (thái dương) mọc ở phương Đông nghĩa là bình minh xuất hiện, xóa tan màn đêm hắc ám. Nói khác đi, ánh sáng đạo pháp xuất hiện, xóa tan tội lỗi và đau khổ của chúng sinh.

Con thuyền trong biểu tượng Năm Đức Tin khiến tôi nhớ tới một dụ ngôn lý thú được phổ biến trên Internet mấy năm gần đây:

Có anh nọ không kịp chạy lũ bèn leo lên mái nhà ngói. Nước càng lúc càng dâng cao. Sợ hãi, anh thành tâm chấp tay cầu xin Chúa cứu giúp. Chúa nhậm lời.

Thế là từ đâu có mảng bè đi tới. Người trên bè gọi anh

mau xuống bè thoát thân. Anh từ chối, nói Chúa sẽ đến cứu chứ không phải mảng bè này.

Mảng bè đi mất. Lúc sau, nước dâng cao hơn, ngập hơn nửa tường nhà. Chúa cứu anh lần thứ hai. Thế là từ đâu bỗng có chiếc thuyền nan đi tới. Người trên thuyền gọi anh mau xuống thuyền thoát thân. Anh vẫn từ chối, nói Chúa sẽ đến cứu chứ không phải thuyền nan này.

Thuyền nan đi mất. Lúc sau nữa, nước dâng cao hơn, ngập sát mái nhà. Chúa cứu anh lần thứ ba. Thế là từ đâu bỗng có chiếc thuyền tam bản đi tới. Người trên thuyền gọi anh mau xuống thuyền thoát thân. Anh vẫn cứ từ chối, nói Chúa sẽ đến cứu chứ không phải chiếc tam bản này. Rốt cuộc, nước ngập nóc nhà và chìm chết nạn nhân.

Các chánh pháp là những con thuyền cứu độ loài người. Nhưng nếu con người không có đức tin vào chánh pháp, không tin vào ơn cứu độ của Chúa, của Trời Phật, họ đâu chịu bước lên thuyền!

Giữa cơn khủng hoảng đức tin của nhân loại hiện thời, xin cầu nguyện sẽ có muôn vạn con người sớm mở lòng đón nhận ơn cứu độ mà mau chân nhanh gót tìm cách bước lên thuyền.

01-12-2012

CGvDT số 1887-1888, ngày 14-12-2012

ĐỨC KHỔNG CŨNG CƯỜI?

Đức Khổng Tử
tranh của Mã Viễn
(đời Tống).



Đức Khổng Tử là người như thế nào nhỉ?

Thử gõ tên Ngài bằng tiếng Việt, chữ Hán, hay tiếng Anh (*Confucius*) vào công cụ tìm kiếm hình ảnh của Google, đồ ai thấy được một chân dung hay pho tượng nào của Đấng Vạn Thế Sư Biểu nở nụ cười trên gương mặt!

Phải chăng bởi Ngài sớm có một tuổi thơ bất hạnh?

Cha Ngài lúc ngoài sáu mươi đã cưới mẹ Ngài mới mười lăm tuổi về làm vợ lẽ, để mong sau này có con trai lo việc cúng tế tổ tiên. Mới sinh ra Ngài đã xấu trai lắm rồi. Ngoài sử bảo vì vậy nên bà vợ cả ghét quá, lén trộm hài nhi đem bỏ ngoài gò, may mà cứu thoát kịp thời. Bởi vậy Ngài có tên là Khâu. *Khâu* là cái gò. Lại có thuyết bảo đứa trẻ bị bỏ trong cái động trên núi Ni, do đó khi đi học Ngài có tên tự là Trọng Ni. *Ni* là núi Ni; *Trọng* là tiếng gọi con dòng thứ.

Biết vợ cả hà khắc, nên cha Ngài lúc sắp lìa trần, đã gọi mẹ Ngài tới bên giường bệnh, căn dặn phải sớm đưa con trai về bên ngoại nuôi dưỡng để bảo toàn cho cả hai.

Danh họa đời Tống là Mã Viễn (1190-1224) có vẽ chân dung Ngài. Tác phẩm vô giá này hiện lưu giữ tại Viện Bảo Tàng Cố Cung ở Bắc Kinh. Nét cọ Mã Viễn vẽ Ngài trông xấu tẻ, trán dô hẳn ra, giống như lối vẽ cường điệu của các tay biếm họa phương Tây (*caricaturists*).

Sau này trưởng thành thì lúc nào Ngài cũng tỏ vẻ nghiêm nghị, y phục chỉnh tề, hai tay luôn chấp lại trước ngực để thủ lễ. Chả trách thế gian vẫn hay minh họa Ngài qua hình ảnh khắc khổ, quá ư trịnh trọng, đạo mạo!

Ước gì thấy họ vẽ nét mặt Ngài mỉm cười.

Ngài là dân nước Lỗ nhưng lập gia đình với cô Kỳ Quan, dân nước Tống. Người làm mai mối là ông Trọng Tôn làm quan đại phu nước Lỗ. Năm sau bà Khổng sanh con trai đầu lòng. Ông mai nghe tin vui liền cho người mang đến nhà Ngài biếu con cá chép tươi roi rói. Thế là Ngài bèn đặt tên con là Lý. Lý là cá chép. Khi đi học, con Ngài có thêm tên tự là Bá Ngư. *Bá* là tiếng gọi con trai cả; *Ngư* là cá.

Ngài chăm dạy con người ta, không thèm xét lý lịch học sinh. Nhưng đứa con vợ mình rút ruột đẻ ra thì không đích thân dạy, mà giao cho đệ tử dạy thay. Có lần Ngài đứng trước sân, cậu Lý tình cờ đi qua, nhác thấy bóng cha liền rón rén co giò toan lui sang hướng khác. Phải chăng cha con không có tình thân, nên con gặp cha mà phải len lét, né tránh? Bởi lẽ Ngài lạnh lùng quá, khó tính quá chăng?

Chính vì không trực tiếp dạy con nên Ngài không biết con mình đã học được gì. Hai lần đứng trước sân, thấy cậu con cả đi qua mà toan lánh mặt, Ngài gọi giật lại, hỏi xem cậu đã học Kinh Thi, Kinh Lễ chưa. Hai lần cậu đều đáp là chưa thì Ngài căn dặn phải lo học hai quyển kinh đó.

Ngài thường dắt nhóm đệ tử ruột chu du các nước, tức là thường xuyên xa nhà. Như vậy bà Khổng có lẽ đỡ cực, vì ngoại sử bảo rằng Ngài không chịu ngồi nếu chiếc chiếu trải hơi lệch; miếng chả cắt không ngay ngắn thì không thò đũa gắp; thức ăn đã qua hai lửa (phải hâm lại) thì quyết không xơi! Nếu quả thật đúng y chang như thế thì làm vợ Ngài đâu có thoải mái gì.

Tôi chỉ e rằng bá tánh đem đặt những điều như lược kể trên đây mà thôi. Vì xưa nay thói đời vẫn thế, hễ ai mà tên tuổi vang lừng – người Mỹ gọi là *xì-lép (celeb)*, thì tránh sao khỏi bị thiên hạ vốn hiếu sự tha hồ tưởng tượng, thêu dệt thành những sự tích đại loại như chuyện trong nhà ngoài phố trên màn ảnh nhỏ.

Cho nên tôi không tin rằng Đức Khổng khô cần đến nỗi thiếu một nụ cười trên gương mặt. Nếu không phải là nụ cười thoải mái trên gương mặt Phật Di Lạc thì chí ít cũng phải có nụ cười chúm chím như Bồ Tát Quan Âm dịu dàng với nhành dương liễu.

Luận Ngữ (5:26) chép rằng học trò Ngài là Tử Lộ nói:

- Chúng con mong được nghe chí hướng của thầy.

Thế thì chẳng hề suy nghĩ đắn đo, Đức Khổng Tử đáp ngay:

- Thầy chỉ mong cho người già được phụng dưỡng mà an vui, bạn bè tin cậy nhau, người trẻ được bảo bọc thương yêu.

Ôi, con người có lòng nhân hậu như thế ắt không thể nào không biết cười!

Cho nên, ước gì ai đó vẽ Đức Khổng của tôi nở một nụ cười phản ánh được tâm hồn nhân ái bao la của Ngài.

Ngày 01-01-2013.

CGvDT số 1889, ngày 04-01-2013

ĐỨC KHỔNG NÓI ĐÙA

Nối tiếp bài trước (*Đức Khổng Cũng Cười ?*), bài này xác định rằng Đức Khổng có óc hài hước, biết bông đùa thân mật với học trò.

Chí ít, *Luận Ngữ* chép ba chuyện về óc hài hước của Đức Vạn Thế Sư Biểu.

1. Hài hước với Tử Công

Tử Công kém thầy chừng ba mươi một tuổi. Ông thường qua lại buôn bán giữa hai nước Tào và Lỗ, rất giàu. Có lẽ vì là người quen mua bán nên một hôm Tử Công hỏi:

- Có viên ngọc đẹp ở đây, nên cất vào hộp, hay chờ gặp lái buôn tốt mà bán?

Đức Khổng đáp:

- Bán đi, bán đi! Ta đang đợi thương nhân cho giá đây!

Chuyện trên chép trong *Luận Ngữ* (9:13).

Ngọc đẹp ám chỉ người tài đức (nhà Nho gọi là *hiền giả*). Tử Công ngụ ý rằng người hiền tài nên ở ẩn hay chờ mình quân biết dùng mình.

Hiểu ý, Đức Khổng hài hước tự ví Ngài như viên ngọc quý, đang chờ ai trả cao giá (biết trọng dụng xứng đáng).

2. Đùa với Tử Du:

Ngôn Yên tự là Tử Du, người nước Ngô; có sách bảo ông kém thầy bốn mươi lăm tuổi. *Luận Ngữ* (17:4) chép rằng khi Tử Du đang làm trưởng ấp của ấp Vũ Thành thì Đức Khổng cùng nhóm học trò ghé thăm. Nghe trong ấp có tiếng đàn hát, Đức Khổng mỉm cười nói:

- Giết gà cần chi dao mổ trâu.

Ngài ngụ ý rằng Tử Du không cần ứng dụng lễ nhạc ở một ấp nhỏ. Nghe vậy, Tử Du nói:

- Trước đây thầy dạy rằng quân tử học lễ nhạc thì yêu người, tiểu nhân học lễ nhạc thì dễ sai khiến.

Đức Khổng quay sang bảo môn đệ:

- Tử Du nói đúng đó các trò. Vừa rồi thầy chỉ nói đùa thôi.

3. Đùa với Tử Lộ

Tử Lộ (542-480 trước Công Nguyên) kém thầy chín tuổi. Ông chí hiếu, nhà nghèo, chỉ ăn rau, thường phải đội gao vượt đường xa hơn trăm dặm đem về nuôi cha mẹ.

Luận Ngữ cho biết con người Tử Lộ như sau:

- Tính tình hào sảng (5:26).

- Cương trực (12:12).

- Quả cảm (6:8).

- Thô lậu (11:18).



- Hoi lỗ mãng (13:3).
- Hiếu dũng (5:7).
- Không xem trọng học chữ, nên không thích đọc sách (11:25).

- Đức Khổng rầy rà, nhắc nhở ông phải ham học (17:8).

Khi Đức Khổng rời nước Vệ trở về nước Lỗ, riêng Tử Lộ và Cao Sài được mời ở lại làm quan nước Vệ. Biết tánh học trò, Đức Khổng thờ dài:

- Tử Lộ và Cao Sài cùng làm quan ở Vệ, mai kia có loạn, Cao Sài có thể bình an nhưng Tử Lộ e khó giữ mạng sống.

Quả nhiên, năm 480 nước Vệ có nội loạn, Tử Lộ bị giết. Cao Sài thoát chết, chạy về báo tin dữ cho thầy.

Đông dài về con người của Tử Lộ như thế để hiểu câu nói Đức Khổng trêu ông, như chép trong *Luận Ngữ* (5:7).

Hôm ấy Đức Khổng bảo học trò:

- Nếu đạo thầy không thi hành được, thầy sẽ thả bè trôi ra biển. Kê theo thầy có lẽ là Tử Lộ chăng?

Nghe thế, Tử Lộ tỏ vẻ hớn hở. Thấy vậy, Đức Khổng nói tiếp:

- Tử Lộ dũng cảm hơn thầy nhiều. Thầy chẳng biết làm gì với anh ấy.

Tất cả môn sinh đều cười rộ lên. Có lẽ khi ấy nét mặt Tử Lộ buồn cười lắm.

08-01-2013

CGvDT số 1890, ngày 11-01-2013

HOA VÀ NHÀ THƠ (a)

Waggoners Wells (cũng viết *Waggoners' Wells*) là vùng đất mọc đầy những bụi cây *heath* mà người Hoa gọi là cây thạch nam 石南 (*thạch* là đá; *nam* là phương nam). Nơi đây có nhiều ao nhân tạo từ thế kỷ 17 nối với các dòng suối, lạch, thác nước giữa rừng cây nằm ở thung lũng gần làng Grayshott ở quận Đông Hampshire, hạt Hampshire, nước Anh. Vùng đất này trở thành khu bảo tồn quốc gia của xứ sương mù từ năm 1919, và nổi tiếng vì có một giếng ước nguyện (*wishing well*). Theo dân gian, nếu nói vọng vào lòng giếng những mong ước của mình, có thể sẽ toại nguyện.

Alfred Tennyson, sinh ngày 06-8-1809, tạ thế ngày 06-10-1892 là thi hào của Anh và Ireland. Năm 1863, Tennyson tới bên giếng ước nguyện này và viết bài thơ ngắn nổi tiếng – Hoa mọc kẽ tường nứt (*Flower in the Crannied Wall*), kể rằng nhà thơ búng trọn một cành hoa bé, nhỏ luôn cả bộ rễ ra khỏi kẽ nứt trên tường, rồi nhìn cành hoa cầm trên tay, ông tự vấn về Thượng Đế, về con người – một tự vấn đầy triết lý!⁽¹⁾

⁽¹⁾ *Flower in the crannied wall, / I pluck you out of the crannies,
/ I hold you here, root and all, in my hand, / Little flower – but
if I could understand / What you are, root and all, and all in
all, / I should know what God and man is.*

Bác Sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ dịch gọn sáu câu thơ của Tennyson thành bốn câu lục bát nhẹ nhàng như sau:

*Bông hoa bé nhỏ con con,
Nếu tôi hiểu được nguồn con, gốc đầu.
Nếu tôi hiểu nó cho sâu,
Trời, người bao chuyện nhiệm mầu cũng thông.*

Tennyson chẳng nói là hoa gì, vậy có thể là hoa dại, nhưng màu sắc đẹp mắt nên mới bắt ông chú ý. Ốc phân tách để cầu tìm triết lý của Tennyson chắc chắn đã giết chết bông hoa đẹp. Vì sau khi tự vấn như thế, dù có tìm ra giải đáp hay không, Tennyson cũng quẳng hoa xuống chân tường.

Goethe (1749-1832) lại khác hẳn. Nhà thơ Đức này có máu chiêm hữu. Năm 1815 Goethe viết bài thơ *Gefunden* (Tìm thấy), kể rằng khi thơ thẩn một mình trong rừng gặp hoa đẹp (không biết hoa gì!), bèn búng về trồng trong vườn nhà. Hoa tiếp tục sống, tiếp tục nở...

Bài thơ gồm năm khổ, mỗi khổ bốn câu, cả bài có bảy mươi hai từ. Hai khổ thơ chót có người dịch ra tiếng Anh, tôi chuyển ngữ như sau:

*Cẩn thận đào lên
Cả rễ và hoa
Tôi mang về nhà
Trồng trong vườn tôi.

Nơi góc âm thầm
Hoa đã trồng xuống*

*Giờ nó vẫn sống
Vẫn nở đầy thôi.⁽²⁾*



⁽²⁾ *With all its roots / I dug it with care, / And took it home / To my garden fair.
In silent corner / Soon it was set; / There grows it ever, / There blooms it yet.*

Thiền sư Nhật Suzuki (1870-1966) không ủng hộ cả Tennyson và Goethe. Suzuki thích Basho (1644-1694) hơn.

Bên Nhật có hoa *nazuna* mà người Trung Quốc gọi là hoa tề 薺. Người Nhật có thể thơ *haiku* (bài cú 俳句) mà nhiều người Việt Nam quen đọc trại ra là *hài cú!*

Basho (Ba Tiêu 芭蕉, nghĩa là cây chuối) có bài haiku nổi tiếng, được dịch ra tiếng Anh, tôi chuyển ngữ như sau:

*Khi nhìn chăm chú
Tôi thấy hoa tề nở
Bên bờ dậu.⁽³⁾*

Basho chỉ ngắt nazuna rồi bỏ đi, không chiếm hữu làm của riêng như Goethe, cũng không ngắt cành bẻ nhánh để sẫm soi phân tách rồi triết lý như Tennyson.

Nazuna tiếp tục phô sắc bên hàng dậu. Ai qua đường cũng có dịp thưởng thức vẻ đẹp đơn sơ mà thiên nhiên trao tặng.

06-11-2013

CGvDT số 1932, ngày 08-11-2013

⁽³⁾ *When I looked carefully / I see the nazuna blooming / By the hedge!*

HOA VÀ NHÀ THƠ (b)

Đọc câu chuyện về hoa và ba nhà thơ Anh, Đức, Nhật đăng trên tuần báo *Công Giáo Và Dân Tộc*,⁽¹⁾ bạn tôi ghé nhà chơi. Uống xong chén trà, anh nói:

- Đọc bài đó khiến tôi có một liên tưởng xa hơn hoa và thơ.

- Vậy, anh nói cho nghe.

- Hoa đẹp ví như đàn bà đẹp. Còn ba thái độ, ba hành vi của ba ông làm thơ danh tiếng kia khiến tôi liên tưởng tới ba loại đàn ông trên thế gian này.

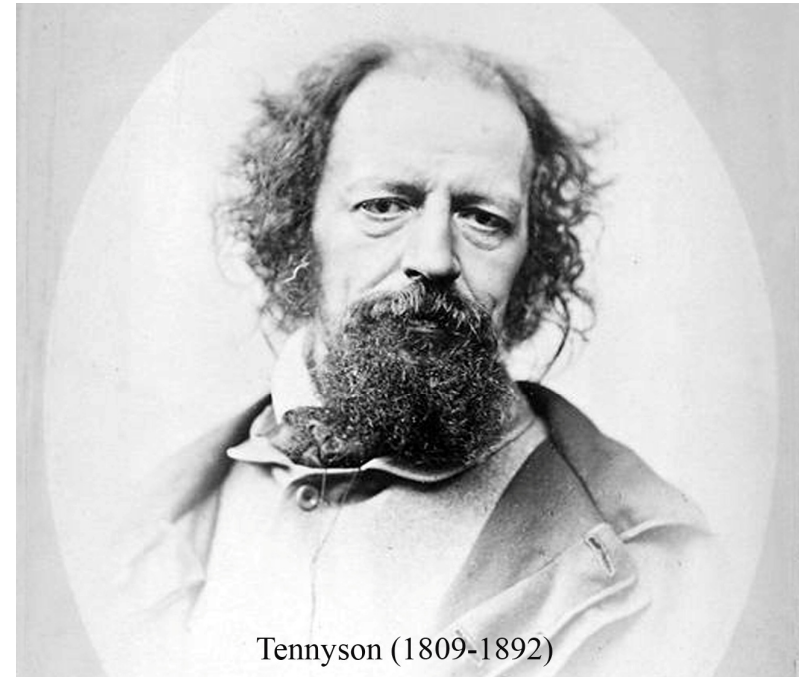
- Cụ thể là gì?

- Trước tiên là Goethe. Có thể ví Goethe như phần đông đàn ông tụi mình, hễ thấy gái đẹp thì ham, muốn chiếm hữu cho riêng mình. Thậm chí nhiều kẻ, tuy biết rõ mười mười rằng hoa thơm đã có chủ nhưng vẫn cứ lao tâm khổ trí, cố tìm trăm phương ngàn kế hòng cướp đoạt, bất chấp tội lỗi. Goethe bứng hoa đẹp trong rừng về vườn nhà trồng; còn đàn ông hiếu sắc thì luôn muốn đem gái đẹp về bên mình.

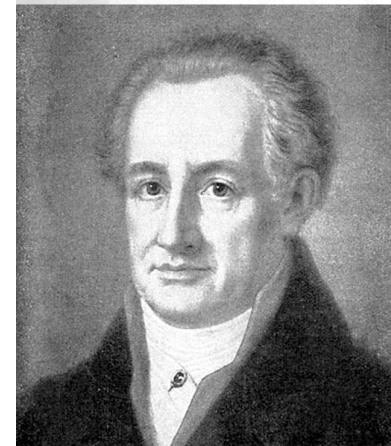
Tôi cười:

- So sánh nghe trần trụi quá! Goethe giận cho coi! Rồi sao nữa?

⁽¹⁾ *Công Giáo Và Dân Tộc* số 1932, ngày 08-11-2013.



Tennyson (1809-1892)



Goethe (1749-1832)



Bashō (1644-1694)

- Basho ví như hạng đàn ông thứ hai, cũng thích ngắm gái đẹp. Ừ, thì Trời sinh đàn bà đẹp để tô điểm cõi nhân gian mà. Ngắm vẻ đẹp đó để tán thán bàn tay kỳ diệu của Hóa Công thì có chết ai đâu, miễn là biết dừng lại ở giới hạn đó, chỉ ngắm và thán thưởng mà thôi. Tương tự như khi ta vào phòng tranh, ngắm một họa phẩm tuyệt mỹ cho sướng mắt, xong rồi tay không ra về.

- Ờ, thì tranh đẹp của họa sĩ nổi tiếng giá cả mắc lắm. Đám thầy giáo quên như tụi mình có mê tranh đến mấy cũng đành tay không ra về thôi. Nhưng anh nói khiến tôi nhớ tới ông bạn rất kỳ khôi. Gặp đàn bà đẹp, dù không quen và cũng chẳng mắc mớ gì nhau, nhưng ông cứ lịch sự cúi chào người ta và nói tử tế: “Cảm ơn chị.” Ngạc nhiên, người đẹp hỏi lý do thì ông trả lời tỉnh khô: “Cảm ơn chị vì chị đẹp quá, làm vui cuộc đời này.” Còn trường hợp chót, Tennyson thì sao?

- Tennyson khiến tôi nghĩ tới mấy ông thầy tu luôn gìn giữ nghiêm ngặt quy giới. Mỗi khi thấy gái đẹp thì các thầy không dám phóng túng nhìn ngắm cái hiện tượng mỹ miều phô bày trước mắt mà lập tức chủ động đánh lạc hướng tư tưởng của mình bằng cách nghĩ sâu xa tới mặt trái của chiếc mê-đai. Làm vậy để ngăn lòng ham muốn, kềm chế dục tình.

- Tôi hiểu rồi. Anh muốn nói tới phương pháp *quán thân bất tịnh* của Đức Phật chứ gì?

Bạn tôi gật đầu. Bệnh nghề nghiệp của các thầy giáo là tật thích giảng bài! Nên anh bèn giải thích, dù thừa biết tôi

không xa lạ thuật ngữ này:

- *Quán* nghĩa là tập trung tư tưởng để quan sát, soi xét tường tận. *Bất tịnh* nghĩa là không sạch, là dơ bẩn. *Quán thân bất tịnh* nghĩa là tập trung tư tưởng để soi xét tường tận về bản chất dơ bẩn của thân xác máu mủ tanh hôi đang ẩn giấu sau lớp hiện tượng mỹ miều, óng chuốt bên ngoài. Tennyson cầm hoa trên tay nhưng không biết thân nhiên thưởng thức sắc hương mà lại lẩn quẩn tự vấn chuyện triết lý. Còn thầy tu giữ giới luật, hễ thấy gái đẹp thì sợ động lòng trần tục, bèn tự nhắc nhở mình rằng chớ có ham mà nhào vô, vì cô ấy chẳng qua chỉ là *xú bì nang*, là túi da thú chứa bên trong máu mủ tanh hôi.

- Vậy, theo anh có trái tự nhiên không?

- Trái là cái chắc! Nhưng tu hành có khác gì lội nước ngược dòng. Người đời ham hưởng lạc thì người tu phải dẹp ham muốn. Người đời ham tích lũy tiền bạc thì người tu siêng bố thí, chăm làm từ thiện. Đêm khuya người đời hoặc say sưa giấc ngủ, hoặc nghiêng ngửa truy hoan, thì người tu cô đơn lặng lẽ ngồi thiền, âm thầm hít thở riêng mình.

13-11-2013

CGvDT số 1933, ngày 15-11-2013

LÒNG NGƯỜI VÀ Ý TRỜI

Đại Sư (Swami) Vivekananda sinh ngày 12-01-1863, quy thiên ngày 04-7-1902. Ngài là môn đồ lòng lấy của Đức (Sri) Ramakrishna (1836-1886), một vị Thánh trong đạo Bà La Môn.⁽¹⁾

Đại Sư Vivekananda có công lớn giúp phương Tây hiểu biết triết giáo Bà La Môn và pháp môn Yoga. Ngài cũng rất có công nêu cao tinh thần liên tôn, là tiếng nói đủ thẩm quyền, đầy uy tín của Bà La Môn Giáo tại Đại Hội Tôn Giáo Thế Giới ⁽²⁾ ở thành phố Chicago (bang Illinois, Mỹ) năm 1893. Đại Sư có hàng trăm buổi giảng đạo tại Mỹ, Anh, và châu Âu. Ngày sinh của Đại Sư trở thành Ngày Thanh Niên Quốc Gia ⁽³⁾ của Ấn Độ.

Xưa kia, trong lá thư thứ nhất gửi tới các tín hữu Công Giáo ở thành Côrintô (Corinth) nước Hy Lạp, Thánh Phaolô viết:

“Anh em há chẳng biết rằng thân xác anh em là Đền Thờ của Thiên Chúa, và Thánh Thần Thiên Chúa ngự trong anh em sao?” (3:16)

⁽¹⁾ Trong tiếng Ấn, Swami là cách xưng hô rất tôn kính dành cho bậc tu hành; người Hoa dịch là *Đại Sư*. Còn *Sri* tương tự như chữ *Đức* của người Việt.

⁽²⁾ The Parliament of the World's Religions

⁽³⁾ National Youth Day

Non hai ngàn năm sau, Đại Sư Vivekananda bày tỏ:

“Cái khoảnh khắc tôi nhận ra Trời đang ngự trong ngôi đền là thân xác mỗi người, cái khoảnh khắc tôi đứng yên tôn kính trước mỗi con người và thấy Trời ở trong họ, thì khoảnh khắc đó tôi thoát khỏi trói trằng câu thúc, mọi ràng buộc hệ lụy đều tan biến, và tôi tự do tự tại.” ⁽⁴⁾

Những tư tưởng cao siêu như thế của Đại Sư thường hay được nhắc tới. Điều tuyệt vời là ngôn ngữ giảng đạo của ngài lúc nào cũng suôn sẻ và đơn giản. Ngài chủ trương rằng dù nói hay viết thì hãy giúp cho người nghe, người đọc dễ hiểu chớ đừng phô trương kiến thức của người nói, người viết.

Liên quan tới những trích dẫn về Đại Sư, lâu nay rất nhiều người yêu thích và truyền tụng một bài thơ gồm mười bốn câu ý tứ thâm trầm với lời lẽ giản dị như sau:

*When I asked God for strength
He gave me difficult situations to face
When I asked God for brain and brawn
He gave me puzzles in life to solve
When I asked God for happiness
He showed me some unhappy people*

⁽⁴⁾ *The moment I have realized God sitting in the temple of every human body, the moment I stand in reverence before every human being and see God in him – that moment I am free from bondage, everything that binds vanishes, and I am free.*

*When I asked God for wealth
He showed me how to work hard
When I asked God for favours
He showed me opportunities to work hard
When I asked God for peace
He showed me how to help others
God gave me nothing I wanted
He gave me everything I needed.*

Một số người cho rằng đây là thơ Đại Sư Vivekananda.

Nhưng một số khác phân bác, vì tìm trong *Complete Works of Swami Vivekananda* (Vivekananda Đại Sư Toàn Tập) họ không thấy những câu ấy.

Thế nên nhiều người đành bỏ trống tên tác giả mỗi khi dẫn lại bài thơ không có nhan đề.

Tôi chuyển ngữ bài thơ như sau:

*Khi con xin được ban sức mạnh
Trời lại cho những cánh cơ cầu
Con xin trí tuệ rộng sâu
Trời cho rồi rằm đèn đầu giải phân
Khi con xin hạnh toàn phúc đủ
Trời khiến con gặp kẻ ngặt nghèo
Con xin của cải sang giàu
Trời cho con biết cần lao nhọc nhằn
Khi con xin hồng ân nhuần gội*

*Trời lại cho cơ hội siêng năng
Con xin yên ổn an bằng
Trời cho con giúp khó khăn nhiều người
Điều con muốn thì Trời chẳng khứng
Trời lại cho chỉ những thứ cần
Lòng con thấp thỏi phàm trần
Ý Trời huyền nhiệm con lần sao ra!*

Đọc bài thơ này, tôi nhớ có người nói: Nhiều khi chúng ta vô tình từ khước món quà của Trời ban cho vì nó không được gói lại và gửi tới đúng như ý chúng ta cầu xin.

Lòng người thường khác ý Trời. Bởi vậy, Đức Giêsu dạy chúng ta một cách cầu xin khôn ngoan, minh triết:

“Nhưng xin đừng theo ý con, mà xin theo ý Cha.”
(Maccô 26:39)

07-5-2014

CGvDT số 1956, ngày 09-5-2014

MẤU LƯƠNG KHÔ

Nhà thơ Phạm Hữu Quang có bài thơ *Giang Hồ* rất hay. Thường được truyền tụng trong những bàn rượu của cánh mày râu.

Bài thơ gồm tám khổ. Mỗi khổ thơ có bốn câu. Vị chỉ ba mươi hai câu. Con số đẹp. Mộng giang hồ cũng đẹp.

Mở đầu, ông nói tới chí hướng trượng phu, muốn thoát ly khỏi những cơm áo đời thường trong xóm nhà, khỏi phải quần quanh bên cạnh vợ con trói buộc.

*Chẳng lẽ suốt ngày bên bếp vợ
Chê cười, trèo thang với... giặt đồ?*

Thế là một ngày kia, trang nam tử bèn hăng hái cất bước giang hồ cho thỏa chí tang bồng trong bốn biển.

*Giang hồ đâu bận lo tiền túi
Ngày đi ta chỉ có tay không
Vợ con chẳng kịp chào xin lỗi
Mây trắng trời xa, trắng cả lòng...*

Lời thơ đẹp quá! Nghe đầy khí thế hiên ngang!

Thế nhưng, kết thúc mộng giang hồ là như thế này:

*Giang hồ ta chỉ giang hồ vật
Nghe tiếng cơm sôi cũng nhớ nhà.*

Nhiều người thích bài thơ. Có kẻ đọc hai câu kết ấy thì buồn cười. Không phải cười nhà thơ vỡ mộng giang hồ, mà cười cho chính bản thân mình.

Thử gẫm mà xem, trong từng mảnh đời mỗi người chúng ta, đã bao phen chúng ta bỏ rơi giấc mộng lớn hay hoài bão ngút trời của mình chỉ vì tiếng gọi “thiên liêng” của bao tử, của áo cơm!

Trong chuyện tu hành cũng thế. Ông bà chúng ta từ xưa để lại câu này: *Có thực mới vực được Đạo.*

Tương tự, người Anh bảo:

- *Bụng đói ghét bài thuyết giáo đông dài.*⁽¹⁾
- *Giảng đạo cho kẻ đói chỉ hoài công.*⁽²⁾

Cho nên để thử thách tâm chí người tu, xưa nay luôn có nhiều cách khác nhau. Một trong những cách đơn giản mà hiệu quả muôn đời là thử thách cái bao tử.

Đây là chuyện tôi nghe:

Ba người bạn đạo thân thiết rủ nhau viếng ngôi đền thiêng trên một đỉnh núi cao. Để vui chân suốt cuộc hành trình dài giữa chốn sơn lâm hiu quạnh, họ vừa đi vừa trò chuyện rôm rả. Họ bàn luận không chán về tầm quan trọng thiết yếu của việc đem thực hành tất cả những lý thuyết bản thân đã tiếp thụ được qua kinh điển. Họ gọi đó là thực

⁽¹⁾ *A hungry belly hates a long sermon.*

⁽²⁾ *It's no use preaching to a hungry man.*

nghiệm tâm linh để được chứng ngộ ngay trong hiện tại, giữa cuộc sống đời thường; như vậy mới có thể minh chứng cho thiên hạ thấy rõ là kinh điển Thánh Hiền ngàn xưa truyền lại không hề dạy con người ăn bánh vẽ...

Cả ba đều bị cuốn hút vào một đề tài mà ai cũng muốn tỏ ra cho bạn đồng hành biết trình độ đạo học uyên thâm quảng bác của mình. Quả thật không ai kém ai và cũng chẳng ai chịu nhường ai. Rốt cuộc, chỉ vì mãi mê tranh luận nên họ quá chậm bước. Đến khi bóng tối đổ ập xuống giữa chốn hoang vu thì họ bị cầm chân dọc đường, đành tìm một chỗ có vẻ an toàn để tạm trú qua đêm.

Bấy giờ bụng cả ba đều đói, mà rùi thay trong ba lô chỉ còn sót một mẩu lương khô nhỏ! Nhìn nhau cười ngượng nghịu, họ thăm toan tính xem ai sẽ là người duy nhất được hưởng chút vật thực rất tầm thường nhưng giữa lúc lỡ đường này lại trở thành món trân bảo hiếm hoi.

Là những người nhiều năm học hỏi đạo lý, không ai muốn hóa ra kẻ thất phu tranh giành miếng ăn. Vì thế họ mau chóng đồng thuận hãy cứ ngả lưng nơi nghỉ; trong đêm, thần linh sẽ báo mộng và quyết định giùm. Họ vui vẻ cầu nguyện rồi đi ngủ.

Tinh mơ hôm sau, chẳng ai gọi ai mà tất cả đều choàng dậy thật sớm.

Người thứ nhất nói:

- Tôi qua tôi mơ thấy mình lạc bước vào một chốn xinh đẹp lạ thường và tôi nghĩ ắt là cõi Bồng Lai. Bỗng một

Tiên Ông râu tóc bạc phơ hiện ra, khen tôi xưa nay chưa hề đắm say vật dục, luôn biết từ bỏ những thú vui trần tục phù phiếm. Ngài nói vì thế tôi xứng đáng được hưởng mẩu lương khô này.

Người thứ hai liền cau mặt, lắc đầu nguầy nguậy:

- Anh nói lạ chưa kìa! Tôi mới là người nằm mộng thấy mình đặt chân vào cõi Thiên Đàng cực lạc. Tại đó tôi gặp một vị Bồ Tát và ngài hoan hỷ chúc lành tôi tương lai sẽ làm một đạo trưởng danh tiếng như còn và sẽ dắt đi đồng đảo bá tánh tu hành. Vậy thì tôi rất xứng đáng để...

Chẳng đợi bạn mình dứt lời, người thứ ba xua tay lia lịa:

- Thôi, thôi! Hai anh chớ mắt công tranh cãi cho phí sức. Hồi khuya, bụng còn cào chịu không thấu, tôi lén hai anh xơi hết rồi còn đâu!

Lộn gan lên đầu, hai người kia lớn tiếng gay gắt:

- Sao lại thế được! Tệ quá! Ít ra cũng phải đánh thức tụi này. Có ít thì chia ít cầm hơi chớ!

Kẻ láo ăn thờ dài:

- Một anh thì bay tuốt lên Thiên Đàng cực lạc. Một anh thì vô tận Bồng Lai tiên cảnh. Chỉ riêng tôi đói meo nằm chết gí ở hạ giới trần gian; làm sao tôi còn đủ hơi sức kêu lớn tận trời xanh cho hai anh nghe thấu!

27-02-2013

CGvDT 1896, ngày 01-3-2013

MẸ TERESA Ở ÚC

Ngày xưa, khi chuyển ngữ kinh Phật từ tiếng Phạn (Sanskrit) các cao tăng Trung Hoa đã dịch *kalyānamitra* là *thiện tri thức*. Về sau, các học giả Anh Mỹ thường dịch thuật ngữ này là *good friend* (bạn hiền), hay *spiritual friend* (bạn tâm linh).

Hiểu giản dị, thiện tri thức là người bạn đạo (đạo hữu) đủ đầy đức hạnh, thông hiểu giáo lý, tu tập nghiêm cẩn. Do đó, khi gần gũi bậc thiện tri thức, ta có thể nhờ người ấy trợ giúp để tiến bộ trên đường tu học.

Nhà Nho khuyên nên gần gũi người quân tử, vì mình cũng được thơm lây như gần hoa lan, hoa huệ.

Trong *Cựu Ước* có câu này: “*Đi với người khôn, ắt sẽ nên khôn...*” (*Châm Ngôn 13:20*)

Tục ngữ Việt Nam nói “*Gần đèn thì sáng*” không xa lý ấy.

Kinh Pháp Hoa (phẩm *Diệu Trang Vương Bốn Sự*) chép lời Đức Phật Tổ dạy rằng phải có duyên rất lành mới gặp được thiện tri thức, vì nhờ đó ta sẽ được thiện tri thức giáo hóa.

Do đó, người học đạo luôn luôn trân trọng thiện tri thức.

Tuy nhiên, trong cuộc đời vàng thau lẫn lộn, không tránh khỏi một số thiện tri thức giả hiệu, chỉ có lớp vỏ bên ngoài.

Ai thiếu sâu sắc, dễ tin làm vào tài nghệ phô trương, kỹ xảo biểu diễn của họ thì ắt sập bẫy. Để cảnh giác, người Anh khuyên: “*Mọi thứ lấp lánh đều không phải là vàng.*”⁽¹⁾

Trái lại, không dễ nhận biết được ngay các thiện tri thức chân chánh nếu ta chỉ biết hời hợt đánh giá các vị qua bề ngoài. Đức Lão Tử bảo thánh nhân bề ngoài mặc áo vải thô mặc dù trong lòng chứa đầy châu ngọc.⁽²⁾ Người đời cố làm cho mình tỏa sáng, trái lại Đức Lão Tử lại mang dáng vẻ mờ mịt, ngu xuẩn, thô kệch.⁽³⁾

Nói khác đi, nếu thiện tri thức giả hiệu thích thú tìm kiếm cơ hội để tự đánh bóng bản thân, thì trái lại các bậc chân tu, hiền thánh luôn tự che giấu mình. Thừa tư cách để khuyên dạy người khác nhưng hầu như các ngài không muốn “lên lớp” ai.

Đây là chuyện tôi nghe:

Trong quãng thời gian dài một phần tư thế kỷ (1960-1985), Mẹ Teresa có bốn lần qua Úc. Không rõ vào dịp nào, khi Mẹ đến Úc, Dòng Tu Phanxicô cử một thầy trẻ tuổi mới nhập Dòng đi theo Mẹ để làm người hướng dẫn, đồng thời còn là chân chạy các chuyện lặt vặt trong suốt thời gian Mẹ lưu trú nước này.

⁽¹⁾ *All that glitters is not gold.*

⁽²⁾ *Đạo Đức Kinh*, chương bảy mươi: *Thị dĩ thánh nhân bị hạt hoài ngọc.* 是以聖人被褐懷玉。

⁽³⁾ *Đạo Đức Kinh*, chương hai mươi: ... *ngã độc muộn muộn... ngã ngoan, thả bỉ ... 我獨悶悶... 我頑且鄙...*



Mẹ Teresa (1910-1997)

Thầy ấy rất háo hức trước viễn cảnh được gần gũi bên Mẹ, sẽ được hỏi han nhiều điều bổ ích từ bậc chân tu mà từ lâu thầy đã nghe danh và rất ngưỡng mộ.

Trái ngược với lòng mơ ước, suốt những ngày đi theo Mẹ, thầy không khỏi phiền muộn vì lúc nào cũng có rất nhiều người đến gặp Mẹ. Thành thử, tuy hầu như thường ở gần một bên mà chả có dịp nào thuận tiện để thầy đủ thời gian trò chuyện với Mẹ!

Cuối cùng, chuyến đi của Mẹ kết thúc. Theo lịch trình, Mẹ sẽ bay tới Tân Guinea, là một hòn đảo ở phía bắc nước Úc.

Tuyệt vọng, thầy hỏi Mẹ:

- Nếu con mua vé bay tới Tân Guinea, con có thể ngồi cạnh Mẹ trên máy bay để trò chuyện và học hỏi Mẹ được không?

Mẹ nhìn thầy, hỏi lại:

- Sao? Thầy có đủ tiền mua vé bay tới Tân Guinea ư?

- Thưa phải ạ.

- Ô! Vậy thì đem khoản tiền ấy tặng cho người nghèo đi. Từ việc làm ấy thầy sẽ học hỏi được nhiều hơn bất cứ điều gì tôi có thể nói với thầy.

17-9-2012

CGvDT số 1876, ngày 21-9-2012

MỘT TÂM HỒN BỒ TÁT

Theo các nhà nghiên cứu, lúc đã có bề dày hơn năm trăm tuổi ở Ấn Độ thì đạo Phật bắt đầu được truyền sang Trung Hoa theo con đường tơ lụa, vào cuối đời nhà Hán. (Nhà Hán kéo dài từ năm 206 trước Công Nguyên cho tới năm 220 Công Nguyên.)

Khi kinh Phật từ Ấn Độ truyền sang Trung Hoa, việc dịch kinh Phật từ tiếng Phạn sang chữ Hán đã làm phong phú thêm cho ngôn ngữ bản địa. Chẳng hạn, thuật ngữ *Bodhisattva* (gồm bốn âm tiết) được người Hoa chuyển âm (translitering) thành bốn chữ Hán mà người Việt đọc là *Bồ Đề Tát Đóa*, rồi họ rút gọn lại thành *Bồ Tát*, và dịch nghĩa là *Đại Sĩ*. Thế nên, Đức *Avalokitesvara* được gọi là *Quan Âm Bồ Tát*, và còn gọi là *Quan Âm Đại Sĩ*.

Bồ Tát là ai?

Nói cho đơn giản, Bồ Tát là những vị tu hành đã đắc đạo, bởi lòng từ bi thương xót chúng sinh đau khổ quá nhiều nên thay vì lìa bỏ trần gian để riêng hưởng an vui thông dong trên cõi cực lạc Niết Bàn, các vị vẫn ở lại trần gian, chia sẻ nỗi khổ của người thế gian, và tìm cách giúp họ thoát khổ. Cho nên có câu: *Bồ Tát thương chúng sinh như mẹ hiền thương con*.

Bồ Tát hạnh vì vậy là hạnh bác ái, đức vị tha của bậc Bồ Tát. Bồ Tát hạnh càng lớn thì lời nguyện hy sinh cho chúng



Phong thái thoải mái của Bồ Tát Quan Âm. Tượng gỗ phết sơn (cao 241,3 cm), tạc vào khoảng thế kỷ 11-12, ở tỉnh Sơn Tây (Trung Quốc). Nay là tài sản của Bảo tàng Nelson-Atkins (thành phố Kansas, bang Missouri, Hoa Kỳ).

sinh càng lớn. Bởi thế, kinh điển xưa truyền tụng là đã có vị Đại Bồ Tát nguyện rằng chừng nào địa ngục vẫn còn một linh hồn bị đày đọa thì ngài nhất định chẳng chịu vào Niết Bàn làm Phật.

Đây là chuyện tôi nghe:

Sau thời gian dài vượt qua nhiều thử thách, người đàn ông nọ kính thành quỳ trước bàn thờ trong nghi thức gia nhập môn phái của một vị đạo sư.

Đạo sư nghiêm nghị dặn dò:

- Con vừa mới trở thành đệ tử chánh thức của ta. Vì vậy, ta sắp truyền riêng cho con một câu thần chú vô cùng linh diệu. Nhưng con hãy ghi nhớ: Thần chú này con không được tiết lộ cho kẻ khác, bất kỳ là ai. Con mà cãi lệnh, hậu quả sẽ vô cùng khủng khiếp.

Người đàn ông liền hỏi ngay:

- Thừa sư phụ, nếu con lỡ tiết lộ thần chú cho người khác, hậu quả sẽ thế nào?

Đạo sư chậm rãi nói, như muốn cho đệ tử không bỏ sót lời nào:

- Bất kỳ ai nghe được thần chú này từ miệng con thốt ra, họ lập tức được giải thoát khỏi đau khổ kiếp người và linh hồn họ được cứu rỗi trọn vẹn. Nhưng ngược lại, con bị trục xuất khỏi môn phái của ta, và con bị đày đọa đời đời giữa cõi trần gian đau khổ triền miên.

Không giấu nổi vẻ vui mừng trên gương mặt, người đệ

tử cúi mình sụp lạy tạ ơn thầy.

Nhưng ngay sau khi được truyền thụ câu thần chú, ông ta vội vã rời khỏi đạo viện và đi thẳng ra chợ, hào hứng kêu gọi mọi người hãy đến gần để nghe ông truyền trao phép lạ.

Nhìn thấy đã có rất đông người hiếu kỳ vây quanh, vòng trong vòng ngoài, ông ta liền cất cao giọng, đọc cho họ nghe trọn vẹn câu thần chú...

Chuyện ắt phải lọt đến tai các đồng môn. Họ quá đỗi bất bình, liền hội ý rồi kéo nhau tới gặp sư phụ để méc lại tội lớn tày đình của kẻ bất tuân lệnh cấm.

Sau khi tỉ mỉ kể lại đầu đuôi sự việc, họ đồng thanh yêu cầu:

- Hấn đã vi phạm nghiêm trọng lệnh cấm của thầy, nhất định không khoan dung, kiên quyết chẳng tha thứ! Sư phụ, hãy tống cổ hấn đi! Đừng dạy dỗ hấn nữa!

Tỏ vẻ khoan khoái, đạo sư vỗ tay cười lớn:

- Phải, phải! Đuổi đi là phải! Thầy đâu còn gì đáng truyền dạy cho một tâm hồn Bồ Tát đầy tình bác ái và tràn trề đức vị tha như thế chứ!

16-7-2014

CGvDT số 1966, ngày 18-7-2014

NGHỈ NGƠI

Chương *Thiên Thuy* trong *Xung Hư Chân Kinh* của Liệt Tử chép một mẩu đối thoại giữa Đức Khổng Tử và học trò là ông Tử Cống. Chuyện như sau:

Học hành nhiều, thấy oải quá nên ông Tử Cống đến trình bày nguyện vọng với thầy:

- Con muốn nghỉ ngơi.

Đức Khổng đáp:

- Sống thì đâu được nghỉ ngơi.

- Vậy thì không có lúc nào con được nghỉ sao?

Ất hẳn lúc ấy thầy trò Đức Khổng Tử đang dừng chân ở gần một cánh đồng. Bởi vậy, thầy chỉ tay ra xa và bảo trò:

- Có chứ! Hãy nhìn những nắm mồ ngồn ngang ngoài kia kìa, cái cao cái thấp. Đó mới là nghỉ ngơi.

Hồi xưa chắc chưa xảy ra chuyện giải tỏa nghĩa trang, thế nên mồ mả có thể xem là chốn an nghỉ thực sự. Vì lẽ đó, ông Tử Cống liền chấp nhận ý kiến của thầy, bèn phụ họa:

- Cái chết to tát thay! Người quân tử chết thì được nghỉ ngơi, còn đũa tiêu nhân chết thì hết quây.

Nghe vậy, Đức Khổng gật đầu:

- Ừ, anh đã hiểu rồi đấy. Người ta đều biết chết là đau buồn chứ không biết chết là được nghỉ ngơi.

Câu chuyện kể trên không thấy các cao đồ của Đức Khổng chép trong *Luận Ngữ*. Biết đâu là một giai thoại hư cấu. Nhưng giả dụ Đức Khổng quả thật có nói với ông Tử Cống rằng chết là được nghỉ ngơi, thì tỏ ra ngài quan niệm về cái chết theo hướng lạc quan, tích cực. Nói khác đi, ngài không sợ chết.

Thế mà năm bảy mươi ba tuổi, khi biết mình sắp chết, Đức Khổng dường như lại bộc lộ một tâm trạng không thoải mái lắm.

Hôm ấy vẫn còn quá đau lòng trước cái chết của hai học trò cùng là ông Nhan Hối và ông Tử Lộ, buổi sáng Đức Khổng thức dậy sớm, vừa chống gậy bước thân thờ trước sân, vừa khóc:

- Núi Thái sụp chẳng? Cột nhà gãy chẳng? Hiền triết tàn chẳng?

Thế rồi ngài bước vào nhà, ngã bệnh, bảy ngày sau qua đời.

Tình cảm ủy mị, bi thương trong buổi sớm mai như thế ắt không phải là tâm lý sợ chết. Có lẽ Đức Khổng chưa muốn được... nghỉ ngơi, lúc mà những kế hoạch to tát của ngài chưa thành tựu.

Bình sinh Đức Khổng là người quá ư bận rộn. Cả cuộc đời bôn ba đây đó, ngài đâu có rảnh rang mà nghỉ ngơi.

Thậm chí, một buổi dã ngoại mùa xuân đối với ngài cũng là mơ ước!

Luận Ngữ, cuối chương *Tiên Tiến* chép cuộc trò chuyện thân mật giữa Đức Khổng với nhóm học trò là Tử Lộ, Nhiễm Hữu, Công Tây Hoa, và Tăng Điểm trong khi đang nghỉ chân dưới một cội tùng.

Đức Khổng bảo bốn ông chớ ngần ngại, cứ mạnh dạn nói lên chí hướng đời mình.

Tử Lộ, Nhiễm Hữu và Công Tây Hoa nói xong, đến lượt Tăng Điểm.



Đang ngồi cạnh thầy và bạn, tay nhẹ khảy đàn, Tăng Điểm bèn đặt đàn xuống và thủng thỉnh nói:

- Đang lúc cuối xuân, áo quần mùa xuân đã may xong. Rủ năm sáu thanh niên và sáu bảy đứa nhỏ đi xuống sông Nghi tắm mát, rồi lên đài cầu mưa ở Vũ Vu hóng gió. Trên đường về cùng nhau tung tăng ca hát.

Thầy đang muốn nghe chí hướng của trò. Thay vì nói tới mộng tung hoành thiên hạ, ra tài thao lược kinh bang tế thế như thói thường, ông Điểm trả lời nghe có vẻ... lãng xẹt! Những tưởng ông bị thầy rầy rà vì tật ham chơi, nào dè Đức Khổng lại thở dài và than:

- Thầy cũng muốn như Điểm vậy.

Trong *Kinh Dịch*, Đại Tượng Truyện quẻ Càn có câu: Đạo trời vận hành mạnh mẽ, người quân tử cũng noi theo lẽ đó mà phấn đấu không ngơi nghỉ. (*Thiên hành kiện, quân tử dĩ tị cường bất tức.*)

Bất tức nghĩa là không ngơi nghỉ. Suy ra, Hiền Thánh thao thức, đau đầu việc giúp đời độ thế, đâu ai dám riêng mình ngơi nghỉ! Chỉ trừ khi phải xuôi tay trở về với cát bụi.

25-9-2012

CGvDT số 1877, ngày 28-9-2012

NGƯỜI GIEO GIỐNG (a)

Phúc Âm theo Thánh Matthêu (13:1-9) chép như sau:

Hôm ấy, Đức Giêsu từ trong nhà đi ra ngồi ở ven Biển Hồ. Có đám đông lớn tụ họp bên Chúa, nên Người phải xuống thuyền mà ngồi, còn toàn thể đám đông đứng trên bờ. Người dùng dụ ngôn nói với họ nhiều điều.

Chúa dạy: “Kìa, người gieo giống đi ra gieo giống. Trong khi người ấy gieo, có những hạt rơi xuống vệ đường, chim chóc đến ăn mất.

Có những hạt rơi trên sỏi đá, chỗ không có nhiều đất. Chúng mọc ngay, vì đất không sâu; nhưng khi nắng lên, chúng liền bị cháy, và vì thiếu rễ nên bị chết khô.

Có những hạt rơi vào bụi gai, gai mọc lên làm chúng chết nghẹt.

Có những hạt lại rơi nhằm đất tốt, nên sinh hoa kết quả: Hạt được gấp trăm, hạt được sáu chục, hạt được ba chục. Ai có tai thì nghe.”

Dụ ngôn của Chúa không nói tới việc chọn đất tốt để gieo giống. Suy ra, đối tượng của việc truyền giáo là quảng đại quần chúng.

Trong đạo Phật có lời nguyện này: *Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*. Nghĩa là sẽ cứu độ vô số, không giới hạn đối tượng.

Trong đạo Cao Đài, mỗi ngày cúng bốn lượt (tứ thời). Kết thúc buổi cúng, tín đồ đọc năm lời nguyện. Lời nguyện thứ hai là: *Nhì nguyện phổ độ chúng sanh*.

Phổ độ là gì?

Theo lời Chúa, chúng ta hiểu phổ độ như sau: Đất xấu đất tốt cũng gieo hạt, không phân biệt, không chọn lấy chỗ này mà chê bỏ nơi kia. Đây cũng là quan điểm giáo dục của Đức Khổng Tử: *Hữu giáo vô loại*. Dạy dỗ thì không phân biệt thành phần xã hội, không xét lý lịch.⁽¹⁾

Ngày xưa gieo giống theo lối thủ công. Nông dân vừa bước trên mảnh đất của mình, vừa bốc từng nắm hạt vung mạnh ra. Thời nay, ở nhiều nước giàu có, chủ các nông trại mênh mông còn dùng máy bay gieo giống.

Thời xưa, các vị giáo tổ truyền đạo chủ yếu bằng lời nói (thuyết pháp) và lần lượt di chuyển từ địa phương này sang địa phương khác. Qua đến các đại tông đồ thì lời giảng của giáo tổ được chép lại thành sách. Khoa học phát triển, việc truyền giáo có thể mượn thêm phương tiện in ấn, báo chí, truyền thanh, truyền hình, băng đĩa, Internet...

Các hình thức truyền giáo hiện đại khiến cho hình ảnh gieo giống trong dụ ngôn của Chúa càng rõ nét: Theo lời Chúa thì không có sự chọn lựa trước mảnh đất nào để gieo, cũng không nhắm tới đối tượng cụ thể. Nhà truyền giáo thời nay với các phương tiện hiện đại sẵn có, nào khác chi

⁽¹⁾ *Luận Ngữ: Vệ Linh Công 39.*

người gởi hương cho gió muôn phương, đề ròi: *Gió muốn thổi đâu thì thổi*. (Gioan 3:8)

Dụ ngôn của Chúa hàm ngụ rằng hạt giống cùng một loại, chất lượng như nhau. Đạo pháp từ các Đấng truyền ra dù ở đâu, dù thời đại nào cũng luôn luôn có cùng đức tính là thương yêu và giải thoát. Giống như nước biển muôn phương và muôn đời, đều có chung một vị mặn. Diễn tả tính *vạn giáo nhất lý* này, hiền giả Lục Tượng Sơn (1139-1192) đời Tống nói chí lý:

Biển Đông có Thánh Nhân xuất hiện, cái tâm ấy giống nhau, cái lý ấy giống nhau. Biển Tây có Thánh Nhân xuất hiện, cái tâm ấy giống nhau, cái lý ấy giống nhau. Biển Nam, biển Bắc có Thánh Nhân xuất hiện, cái tâm ấy giống nhau, cái lý ấy giống nhau. Trăm nghìn đời trước có Thánh Nhân xuất hiện, cái tâm ấy giống nhau, cái lý ấy giống nhau. Trăm nghìn đời sau mà có Thánh Nhân xuất hiện, cũng giống tâm ấy, cũng giống lý ấy.

Trở lại với dụ ngôn của Chúa: Khi gieo giống, nhiều hạt rơi bên vệ đường nên chim chóc ăn mất; rơi trên sỏi đá, lớp đất cạn cọt nên khô chết dưới nắng; rơi vào bụi gai, bị chèn ép nên chết nghẹt. Chỉ những hạt nào rơi vào đất tốt, thì thu hoạch được kết quả nhiều ít khác nhau. Vậy, sự thành công hay thất bại không tùy thuộc vào hạt giống, mà *tùy vào đất*.

Cũng y như thế: Đạo pháp siêu màu bao giờ cũng cùng một vị ngọt diệu huyền, nhưng có người hưởng được trọn vẹn, hoặc chỉ hưởng nửa vời, hoặc chẳng hưởng được tí gì cả. Tất cả tùy thuộc vào *tấm lòng* của họ, *cái tâm* của họ

khác nhau. Đạo Phật và Cao Đài dùng thuật ngữ *tâm điền* (ruộng lòng).

Lòng người như mảnh ruộng, hoặc được cày xới vun phân, tưới nước đủ; hoặc bỏ bê cho khô cằn, nứt nẻ, mặt tình cỏ hoang um tùm...

Trong Công Giáo hay nói tới những người *cứng lòng*.⁽²⁾ Lòng mà cứng tức là đất ruộng chai cứng, không cho một hạt giống nào sống sót trên đó.

Khi tôi chia sẻ với một nhà truyền giáo suy niệm của mình về dụ ngôn gieo giống của Chúa, vị ấy nói khẽ, như tâm tình:

- Trong việc truyền giáo, thỉnh thoảng mình nghe ai đó hãnh diện, khoe rằng đã từng độ được anh Mít, chị Xoài bước vào đạo. Mình nghĩ khác, chính là nhờ tâm điền của anh Mít, chị Xoài chuyên biển đầy thối, chứ thật ra mình chẳng làm được gì cả. Mình chỉ là công cụ trong tay các Đấng. Do đó, mình phải cố tu đức và luôn cầu nguyện để lỡ khi gặp đất chai cứng, thì may ra mình có thể làm công cụ đủ hiệu quả cho các Đấng mượn dùng. Mình không độ được ai, cũng không có ai được độ. Chung quy chỉ nhờ vào nhân duyên và phép màu từ các Đấng bố ban.

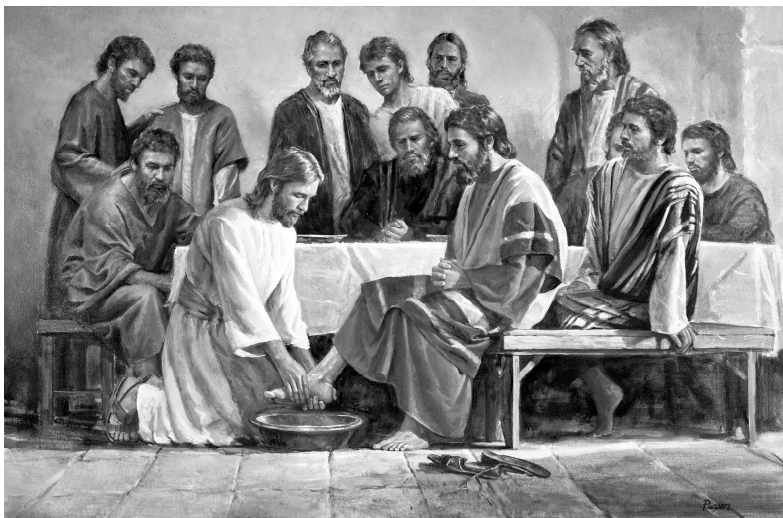
02-10-2012

CGvDT số 1878, ngày 05-10-2012

⁽²⁾ *Ôi! Thế hệ cứng lòng, không chịu tin...* (Matthêu 17:17).

NGƯỜI GIEO GIỐNG (b) KHÔNG TA KHÔNG NGƯỜI

*Rồi Đức Giêsu đổ nước vào chậu,
bắt đầu rửa chân cho các môn đệ
và lấy khăn thắt lưng của Người mà lau.*
Gioan 13:5



*Còn chừ môn đệ đã lập mình thế rồi,
ngày sau tùy âm chất mỗi đũa mà thắng
hay là tội lỗi mà giáng; song buộc mỗi đũa
phải độ ít nữa là mười hai người.⁽¹⁾*

Đức Chí Tôn

Tiếp tục câu chuyện với nhà truyền giáo về dụ ngôn
Người Gieo Giống, tôi hỏi:

- Nói rằng người truyền giáo chỉ là công cụ trong tay các
Đấng; rằng người truyền giáo không đổ ai vào đạo, cũng
không có ai được độ, thì phải chăng phủ nhận sạch trơn
mọi công trạng của người truyền giáo? Như thế chẳng phải
là quá bạc bẽo đấy ư?

Không nghĩ ngợi, nhà truyền giáo đáp:

- Vấn đề là mình đứng từ góc nhìn nào. Nói mình không
đổ ai vào đạo, và cũng không có ai được độ là đứng từ
phương vị nhà truyền giáo.

Thở mới làm quen với chữ nghĩa nhà Phật, mình chưng
hửng khi đọc thấy trước giờ nhập Niết Bàn, Đức Phật lại
bảo các đệ tử rằng suốt bốn mươi chín năm ⁽²⁾ dạy đạo, thật

⁽¹⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*. Quyển I. Đan ngày 27-8-1926.

⁽²⁾ Theo Phật Giáo Nam Tông (cũng gọi Nguyên Thủy) thì Đức
Phật Thích Ca trụ thế *bốn mươi lăm năm*. Theo Phật Giáo Bắc
Tông thì thời gian hoàng pháp của Đức Thế Tôn là *bốn mươi
chín năm*.

ra Ngài chưa từng nói một lời nào. Mà đây không phải là lần đầu tiên Phật phủ định. Một buổi trưa, sau giờ cơm, nhân khi ông Tu Bồ Đề hỏi đạo, Đức Phật bèn giảng Kinh Kim Cang; rồi Phật dặn dò ông: “*Nếu người nào nói rằng Như Lai có chỗ thuyết pháp, tức là họ hủy báng Phật...*”⁽³⁾

Lạ chưa! Phật chưa hở môi thốt một lời, Phật không thuyết pháp mà cứ sao kinh Phật được chép lại và lưu truyền tới nay rất nhiều! Dần dần, mình nghiệm ra trong lời Phật dạy, chỉ ít hàm ngụ hai ý:

Ý thứ nhất là *nhân duyên giả hiệp*, có đến có đi. Phật thuyết pháp tùy theo cơ duyên. Trong tình huống đó, có lý do đó, thì Phật thuyết đề tài đó. Phật không chủ ý soạn bài trước, không rắp tâm là Ngài sẽ giảng đề tài gì. Tạm hiểu, Phật thuyết mà không thuyết, bởi lẽ chỉ tùy theo cơ duyên mà thôi.

Ý thứ hai là *vô ngã*. Không thấy có ta đi độ hay giáo hóa người khác, cũng không thấy có người nào được ta độ hay giáo hóa. Cũng là lời Đức Phật dạy ông Tu Bồ Đề: “*Thật sự không có chúng sanh nào được Như Lai độ.*”⁽⁴⁾

Đức Lão Tử gọi đó là *vô kỹ, vô công, vô danh*. Đạt tới ba cái vô đó thì thoát khỏi bệnh cậy công, máu kiêu ngạo và thói cầu danh. Tức là giữ được đức khiêm tốn, lòng mình

lúc nào cũng tự nhiên, vui vẻ hạ mình phụng sự chúng sanh. Bằng không, mọi cung cách khiêm tốn phụng sự của mình đều chỉ là màu mè trình diễn trước mắt bá tánh. Bài học này quá lớn, nói ra cửa miệng rất dễ mà thực hành với tâm thành thì khó biết bao!

Trong sự phạm có thuật ngữ *giáo cụ trực quan sinh động*. Mình nghĩ các giáo chủ sử dụng giáo cụ trực quan sinh động quả thật giỏi hơn bất kỳ ai.

Giáo cụ (hay đồ dùng dạy học) chính là bản thân các ngài. Các ngài đem thân mình làm gương sống đạo cho học trò hàng ngày hàng giờ gần gũi được chứng kiến tận mắt, tức là làm giáo cụ trực quan sinh động. Nhà Phật gọi cách dạy đó là *thân giáo*, lấy thân thầy hay đời thầy làm bài học cho trò. Đức Giêsu cũng dùng thân giáo để dạy các Thánh tông đồ bài học lớn vô ngã, vô kỷ bằng cách Chúa cúi xuống tự tay rửa chân cho từng học trò (*Gioan 13:5*).

Trước khi dứt lời, nhà truyền giáo hỏi tôi:

- Phật dạy rằng trong bốn mươi chín năm Ngài chưa từng thuyết một lời, và Chúa cúi xuống rửa chân học trò. Hai bài học lớn ấy được truyền trao trước khi Phật nhập Niết Bàn và trước lúc Chúa bị đóng đinh trên thập giá. Vậy, ý ông thế nào nhỉ?

08-10-2012

CGvDT số 1879, ngày 12-10-2012

⁽³⁾ 若人言如來有所說法即為謗佛. *Nhược nhân ngôn Như Lai hữu sở thuyết pháp tức vi báng Phật.*

⁽⁴⁾ 實無有衆生如來度者. (*金剛經*) *Thật vô hữu chúng sanh Như Lai độ giả.* (Kim Cang Kinh)

NGƯỜI THU THUẾ

*Có sông mới đóng ra thuyền
Có người tội lỗi mới truyền pháp tu.⁽¹⁾*

Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch

Nhân viên thu thuế được nhắc tới nhiều lần trong Phúc Âm. Chẳng hạn, Thánh Luca (7:34) chép lời Chúa: “*Đây là tay ăn nhậu, bạn bè với quân thu thuế và phường tội lỗi.*”

Người phương Tây nói: “Hãy cho tôi biết bạn anh là ai, tôi sẽ nói cho anh biết anh là người thế nào.” Suy ra, ai chịu làm *bạn bè với quân thu thuế* như Chúa nói, thì họ đích thị là kẻ xấu xa; cũng như ông bà mình bảo ngư tầm ngư, mã tầm mã.

Hình ảnh người thu thuế trong Phúc Âm có lẽ luôn luôn giống như nhân vật phản diện trong kịch, tuồng hát, phim truyện... Giải thích điều này, có người bảo vào thời ấy giới thu thuế rất bại hoại. Là người Do Thái mà họ hằng hái vơ vét tiền thuế cống nạp cho quân La Mã xâm lược thì đúng là phường phản bội dân tộc. Tệ hơn nữa, quân La Mã còn dung túng cho họ thu thuế cao hơn quy định để họ mặc sức “ngắt nhéo” chỗ lạm thu bỏ vào túi riêng cho vừa lòng tham không đáy.

⁽¹⁾ Thánh thất Từ Quang (Quảng Nam), ngày 18-02-1948.



Người thu thuế, tranh của Henry Holiday (1876).

Tính cách xấu xa của giới thu thuế từng được phản ánh qua một dụ ngôn của Chúa. Chúa bảo rằng một hôm có người Pharisêu và người thu thuế tình cờ vào đền thờ cầu nguyện cùng một lượt. Người Pharisêu bèn đứng tách xa ra (vì khinh bỉ và sợ gần mực thì đen). Khi cầu nguyện, y vừa tự khen mình vừa xỏ xiên người thu thuế như sau: “*Lạy Thiên Chúa, xin tạ ơn Chúa, vì con không như bao kẻ khác: tham lam, bất chính, ngoại tình, hoặc như tên thu thuế kia.*” (Luca 18:10-11)

Dịp khác, khi dạy môn đồ biết sửa lỗi cho bạn đạo, Chúa bảo: “*Nếu người anh em của anh trót phạm tội, thì anh hãy đi sửa lỗi nó, một mình anh với nó mà thôi. (...) Còn nếu nó không chịu nghe, thì hãy đem theo một hay hai người nữa (...). Nếu nó vẫn không nghe họ, thì hãy đi thưa Hội Thánh. Nếu Hội Thánh mà nó cũng chẳng nghe, thì hãy kể nó như một người ngoại hay một người thu thuế.*” (Matthêu 18:15-17)

Như vậy, phải chăng lời Chúa hàm ngụ rằng giới thu thuế là hạng đáng bỏ đi?

Thật ra, Chúa vẫn dang tay cứu vớt những người thu thuế tội lỗi. Lần nọ, khi vào thành Giêrikhô, Chúa đã ban ơn cứu độ một người thu thuế rất tai tiếng là ông Dakêu (Luca 19:1-10).

Trước khi trở thành một trong mười hai sứ đồ của Chúa, Thánh Matthêu (tên thật là Lêvi) từng làm nghề thu thuế cho đế quốc La Mã. Một hôm Đức Giêsu đi ngang qua trạm thu thuế, thấy Matthêu đang ngồi đó, Chúa bảo: “*Anh hãy*

theo tôi!” (Matthêu 9:9; Maccô 2:14). Thế là Matthêu đứng dậy đi theo Chúa.

Khi đến nhà Matthêu ăn cơm, Chúa bị những kẻ đạo đức giả trách cứ tại sao lại ngồi chung bàn ăn uống với bọn thu thuế tội lỗi (Maccô 2:15,16).

Chúa đáp: “*Người khỏe mạnh không cần thầy thuốc, người đau ốm mới cần.*” (Matthêu 9:12; Maccô 2:17)

Lời Chúa dạy như thế khiến chúng ta nhớ lời Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế (Cao Đài Tiên Ông) khuyên nhủ:

“*Các con ơi! Nếu thế gian này là cõi toàn thiện thì Thầy không đến đây mở Đạo làm gì. Các con thử nghĩ: Nếu nhơn sanh không bị thiên tai hạn hán, bão lụt chiến tranh tàn phá, hỏa hoạn thiêu đốt, thì họ đâu cần chi tới đoàn người cứu trợ ủy lạo. Nếu nhơn sanh không đau ốm bệnh tật thì họ đâu cần gì đến đoàn bác sĩ, lương y. Nếu nhơn sanh học giỏi, văn hay chữ tốt thì họ đâu cần gì đến đoàn người giáo dục mở lớp khai trường. Nếu nhơn sanh thuần chơn đạo đức, không đi trong hố sâu tội lỗi, khổ sở tinh thần thì họ đâu cần gì đến đoàn người hướng đạo đem giáo lý đến cho họ.*”⁽²⁾

04-9-2012

CGvDT số 1874, ngày 07-9-2012

⁽²⁾ Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu (Hội Thánh Minh Chơn Đạo), ngày 26-8-1969.

NHÃN TỰ



Ghé thăm tôi, anh nói:

- Cháu gái bác đi học về có nhờ tôi giải thích hai chữ *nhãn tự* trong thơ. Tôi hiểu lơ mờ, đang còn khát nợ cháu.

- Tôi cũng chả rành rẽ chi đâu, bác liệu liệu mà trả lời cho cháu. Rủi ro cách hiểu của tôi không khớp với kiến giải quý thầy cô trong trường cháu thì sẽ phiền cho cháu.

Tự 字 là chữ thì rõ rồi, nhưng *nhãn* 眼 là gì? Xưa nay tôi thấy sách vở hay giải thích *nhãn là con mắt*. Thế nên không

ít người đã bàn luận dài hơi về cái gọi là “con mắt thơ”.

Tôi tìm hiểu, thấy rằng ngoài nghĩa là con mắt thì *nhãn* còn có nghĩa là phần trọng yếu, then chốt, tương tự như chữ *crux* trong tiếng Anh. Vậy *nhãn tự* là chữ then chốt, chữ mấu chốt; mình dịch là *crucial word* cũng được, mà dịch là *key word* cũng xong.

- Bác cho tôi một thí dụ về nhãn tự.

- Ngoài Quảng Nam có anh đạo hữu Cao Đài làm thơ là Nguyễn Văn Sanh. Anh ấy qua đời mấy năm nay rồi. Có hai câu thơ của anh mà tôi rất thích:

Qua ghềnh thác vịn câu kinh

Qua năm tháng vịn công trình, công phu.

Người chân tu chỉ biết nương tựa vào câu kinh, nương tựa vào quá trình rèn luyện đức hạnh (công trình), nương tựa vào tham thiền (công phu) để vượt qua cuộc đời trầm luân, bất trắc. Giống như khi về miền Tây, bọn mình không quen đi cầu khỉ chênh vênh, lắt léo, phải vịn chắc thanh tre cho khỏi lọt té. Chữ *vịn* trong câu thơ của anh Sanh theo tôi là nhãn tự. Anh còn lặp lại chữ *vịn* khiến tôi nghĩ tới một động tác múa. Lặp lại một động tác múa để người xem lưu ý, nhận thức rõ hơn. Cũng như nhấn mạnh.

29-8-2012

CGvDT số 1873, ngày 31-8-2012

NHỮNG ĐIỀU NHỎ NHẶT

*Chớ khinh điều lành nhỏ,
nói rằng chẳng đưa lại quả báo cho ta.
Phải biết giọt nước nhỏ lâu ngày cũng đầy bình.*

Kinh Pháp Cú, 122

Mẹ Teresa (1910-1997), người Albania, giải thưởng Nobel Hòa Bình năm 1979, được tôn phong Chân Phước ngày 19-10-2003.

Đây là chuyện tôi nghe:

Ngày 07-10-1950 Mẹ được phép Vatican thành lập Dòng Tu Thừa Sai Bác Ái tại thành phố Calcutta (Ấn Độ), bấy giờ chỉ vón vẹn mười ba tập sinh. Đầu năm 2012, Dòng Tu của Mẹ đã có trên bốn ngàn năm trăm nữ tu, hành đạo ở một trăm ba mươi ba quốc gia, trong đó có Úc.

Mẹ đến Úc lần đầu vào năm 1969, để mở một nhà tu tại thị trấn Bourke, nằm phía tây bắc bang New South Wales. Năm 1970, Mẹ quay lại Úc mở thêm một nhà tu tại thủ phủ Melbourne của bang Victoria. Sau đó mấy năm, Mẹ đến Úc thêm một lần nữa. Năm 1985 Mẹ qua Úc lần cuối cùng.

Mẹ Teresa có mẫu hồi ức nhỏ, nhan đề *Hãy Nhớ Những Điều Nhỏ Nhặt* (Remember the Small Things), kể chuyện một thổ dân Úc. Theo văn bản tôi có, Mẹ không nói rõ

chuyện ấy xảy ra ở địa phương nào, năm nào. Trong một hồ sơ của các nghị viên Úc ở bang New South Wales, ông Bill Beckroge thuật lại rằng vào năm 1985, Mẹ đã làm cho các ông “sốc” khi đã động tới vấn đề các ông luôn né tránh, đó là cách các ông đối xử với thổ dân Úc.⁽¹⁾

Ở Úc có những khu vực dành riêng cho thổ dân, gọi là *reservations*. Tại một khu như thế, Mẹ gặp một thổ dân cao tuổi. Mẹ kể:

Tôi dám chắc các bạn chưa bao giờ nhìn thấy một hoàn cảnh khó khăn như ông lão nghèo khổ ấy. Mọi người hoàn toàn làm ngơ ông. Nhà ông luộm thuộm, nhếch nhác. Tôi nói:

- Làm ơn để tôi dọn dẹp nhà cửa, giặt giũ áo quần, dọn giường giúp ông nhé?

- Tôi thấy có sao đâu! Cứ để yên như vậy.

- Tuy nhiên, ông sẽ thấy tốt hơn nếu để tôi dọn dẹp giúp ông.

Cuối cùng, ông lão bằng lòng. Thế là tôi dọn dẹp nhà cửa, giặt giũ cho ông. Tôi tìm thấy một cây đèn đẹp, bám đầy bụi. Chỉ có Trời mới biết bao nhiêu năm rồi ông không thắp đèn. Tôi hỏi:

⁽¹⁾ “Mother Teresa came to Australia in 1985 and shocked us by saying something that we all knew but did not want to talk about – the way that we had treated our indigenous persons.”
<http://www.parliament.nsw.gov.au/prod/parlment/hansart.nsf/V3Key/LA19970917007>

- Ông không thắp đèn ư? Chả bao giờ dùng đèn sao?

- Phải. Có ai ghé thăm đâu. Cần gì thắp đèn. Thắp cho ai đây?

- Nếu mỗi tối các nữ tu tới, ông thắp đèn chứ?

- Dĩ nhiên rồi.

Từ hôm đó các nữ tu tới nào cũng tới. Chúng tôi lau chùi cây đèn, và đêm đêm các nữ tu lại chong đèn sáng.

Hai năm trôi qua, tôi quên hẳn ông ấy. Ông gửi lời nhắn này: “Xin bảo bạn tôi biết rằng ngọn đèn bà thắp lên trong đời tôi vẫn tiếp tục tỏa sáng.”

Kết thúc câu chuyện, Mẹ Teresa viết: *Tôi đã nghĩ đó là điều rất nhỏ. Chúng ta thường hay lơ là những điều nhỏ nhặt.*⁽²⁾

*

Trong quyển 4 bộ sách *Những Chứng Từ Cho Giáo Hội*, viết thư cho một cậu bé mồ côi (bài 47), Ellen G. White khuyên:

“*Khi bận bịu với những điều nhỏ nhặt cần thiết này, cậu thật sự đang phục vụ nhiều hơn những lúc lu bu với chuyện to tát, nhọc nhằn.*”⁽³⁾

⁽²⁾ “*I thought it was a very small thing. We often neglect small things.*”

⁽³⁾ “*When engaged in these necessary small things, you are doing more real service than when engaged in large business*



Phục vụ cho người khác vô vụ lợi, như việc Mẹ Teresa và các nữ tu giúp ông lão thổ dân Úc, thánh giáo Cao Đài gọi là công quả.

Đức Chí Tôn (Cao Đài Tiên Ông) dạy:

“*Các con đã từng nghe Thầy dạy rằng công quả dầu nhỏ nhoi đến độ nào cũng là công quả, không mất đâu. Các con cố gắng mót bòn dành dụm trong khoảng đời tu học như con kiến tha mồi lâu ngày ắt đầy ổ đó các con.*”⁽⁴⁾

11-9-2012

CGvDT số 1875, ngày 14-9-2012

and in laborious work.” Ellen G. White: *Testimonies for the Church*, Vol. 2, article 47: Letter to an Orphan Boy.

⁽⁴⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-3-1972.

PHÉP LẠ CUỐI ĐƯỜNG HẦM

*Xin tha nợ cho chúng con
cũng như chúng con tha nợ người khác.*

Matthêu 6:12

Đây là chuyện tôi nghe:

Là con trai một võ sĩ (*samurai*), Toàn Khai (*Zenkai*) rời quê nhà tới Giang Hộ (*Edo*) hầu cận một ông quan. Dan díu với vợ quan, chuyện vỡ lở, anh giết ông chồng rồi dắt người tình trốn đi, trở thành hai kẻ trộm cắp. Người tình ấy quá tham lam, Toàn Khai khinh ghét, bỏ trốn tới một nơi xa xôi là Phong Tiên (*Buzen*) xin ăn qua ngày.

Trong vùng có một đốc núi hiểm trở làm nhiều người mất mạng. Để sám hối tội lỗi, Toàn Khai bắt tay đào một đường hầm xuyên núi. Ban ngày xin ăn, ban đêm đào hầm, chỉ dùng đục và búa.

Toàn Khai đào được hai mươi tám năm thì con trai ông quan lần dò ra tung tích kẻ thù và tìm tới đường hầm đang dở ở Phong Tiên. Bằng lòng chịu chém để trả món nợ oan khiên, nhưng Toàn Khai khẩn khoản xin gia hạn cho tới khi đào xong đường hầm. Kẻ báo thù ngẫm nghĩ rồi ưng chịu.

Thời gian chờ đợi quá lâu, để quên đi buồn chán vì nhàn rỗi, kẻ đòi nợ máu bèn cầm búa và đục chỉ để tiêu khiển

nhất thời. Rốt cuộc, anh hóa ra siêng năng, lảng lảng phụ giúp Toàn Khai suốt hai năm. Trong hai năm đục núi sát cánh bên nhau, nhân cách của kẻ tội đồ nhất tâm ăn năn sám hối dần dần chinh phục anh trọn vẹn.

Sau ba mươi năm, Toàn Khai đào được đường hầm dài khoảng một trăm tám mươi lăm mét. Đường hầm hoàn tất, Toàn Khai ném búa đục xuống, thân nhiên ngửa cổ đón chờ lưỡi gươm báo oán bổ xuống. Kẻ kia nước mắt ràn rụa thốt: “Làm sao con giết sư phụ của con được!”

Đường hầm ấy ngày nay là một điểm du lịch nổi tiếng của Nhật, ở thị trấn xưa gọi là Da Mã Khê Đỉnh (*Yabakei*), nay là một phần của thành phố Trung Tân (*Nakatsu*), thuộc huyện Đại Phân (*Ōita*). Người Nhật gọi nó là Thanh Nô Động Môn (*Aonodōmon*), nghĩa là đường hầm xanh; có sách gọi là đường hầm Toàn Khai (*Zenkai tunnel*).

Trong *Phúc Âm*, Thánh Gioan (9:1-41) chép rõ việc Chúa cứu chữa kẻ mù bẩm sinh được sáng mắt. Người ấy được *mở mắt* để nhìn thấy và trọn lòng tin vào Con Thiên Chúa đang đứng trước mặt mình. Đó là phép lạ.

Toàn Khai cũng nhận được phép lạ khi chân thành thiết tha sám hối tội lỗi. Đó là lúc kẻ tội đồ được *mở mắt* để nhìn thấy công lý được thực thi: Không phải *mắt đền mắt, răng đền răng* (*Cựu Ước, Xuất Hành 21:24*) mà là lòng khoan dung tha thứ.

30-7-2012

CGvDT số 1869, ngày 03-8-2012

SAO KHÔNG LÀ BÂY GIỜ?

Trong tiếng Anh, thành ngữ *Pyrrhic victory* (chiến thắng của Pyrrhus) có nghĩa là một thắng lợi đánh đổi bằng một tổn thất rất lớn. Nói khác đi, nếu đem cả thắng lợi và tổn thất đặt lên bàn cân thì thắng lợi đó hầu như bị triệt tiêu, trở thành vô nghĩa.

Chẳng hạn, ai đó muốn đeo đuổi một vụ kiện lớn, và họ được người am hiểu luật pháp can gián: “Vụ này sẽ dây dưa rất mất thời gian và rất tốn kém tiền bạc. Vì vậy, nếu may ra thắng kiện, chẳng qua cũng chỉ là chiến thắng của Pyrrhus!”

Pyrrhus (hay Pyrrhos) sinh khoảng năm 318 và mất năm 272 trước Công Nguyên, là một trong những địch thủ dữ dằn nhất của quân La Mã. Năm 279 trước Công Nguyên, lúc đang làm vua xứ Epirus (nằm ở Đông Nam châu Âu, giữa Hy Lạp và Albania), Pyrrhus đánh một trận long trời lở đất với quân La Mã do Publius Decius Mus chỉ huy. Đó là trận đánh thành Asculum ở miền Apulia (phần đất phía Nam nước Ý). Cuối cùng Pyrrhus thắng trận, nhưng bản thân vua bị thương nặng, nhiều tướng giỏi của ông tử trận, quân đội tinh nhuệ của Epirus bị tổn thất quá nặng nề!

Vua Pyrrhus có một bạn thân là Cyneas, và đây là chuyện tôi nghe:

Một hôm Cyneas vào triều gặp vua Pyrrhus và hỏi:



Vua Pyrrhus, tượng đồng (thành phố Arta, Hy Lạp)
Ảnh: Harry Gouvas. <http://prevezamuseum.spaces.live.com>

- Tàu Đức Vua, nếu đánh bại La Mã, kế tiếp ngài sẽ làm gì?

Pyrrhus đáp:

- Sicily ở bên cạnh và ta sẽ lượm nó để ợt như lấy đồ trong túi.

- Và sau Sicily ngài sẽ làm gì nữa?

- Qua Bắc Phi chiếm thêm xứ Carthage.

- Tàu Đức Vua, thế rồi sau Carthage?

- Ta sẽ định đoạt số phận Hy Lạp.

- Và sau tất cả những chiến thắng vẻ vang ấy, tàu Đức Vua, cuối cùng ngài sẽ làm gì?

Pyrrhus cười lớn:

- Bây giờ ta sẽ xả hơi và tận hưởng thanh nhàn.

Cyneas kính cẩn nói:

- Tàu Đức Vua, vậy sao ngài không hưởng nhàn ngay lúc này? Sao không là bây giờ?

Chuyện kể trên phần nào có hơi hướm giống như chuyện thứ hai dưới đây:

Một giáo sư lừng lẫy của Viện Đại Học Harvard danh giá, rất giỏi dạy nghề kinh doanh, đang nghỉ mát ở một bờ biển nổi tiếng. Chiều chiều dạo chơi trên bãi cát đẹp, ông đều thấy một người đàn ông nằm phè ra hưởng thụ thiên nhiên hữu tình. Một hôm lân la đến làm quen, giáo sư hỏi:

- Có lẽ ông cũng là du khách?

- Không, tôi sống ở đây lâu năm rồi.

- Ồ!... Chiều nào tôi cũng gặp ông nằm thư giãn ở đây, trông rất thoải mái và điệu nghệ. Xin lỗi, nếu tôi đoán không lầm thì ông thuộc hàng đại gia ở địa phương này.

Người kia cười ngất:

- Đại gia tiểu gia gì đâu! Tôi chỉ là thợ câu. Mỗi ngày kiếm đủ ăn ba bữa, xong xuôi ra đây nằm chơi cho sướng.

- Thế à! Tôi có thể bày cho ông cách làm giàu. Ông sẽ lập nhà máy thủy hải sản...

- Rồi sao nữa?

- Công ty ông sẽ phát triển thành công ty đa quốc gia. Ông là đại tỷ phú, thường xuyên đáp máy bay thượng hạng đi khắp thế giới để coi sóc việc kinh doanh...

- Rồi sao nữa?

- Ông sẽ giàu tới mức không còn muốn kiếm tiền nữa. Khi ấy, ông sẽ nghỉ ngơi và mặc tình hưởng thụ thỏa thích những bãi biển đẹp mê hồn như thế này.

- Ủa! Chớ ông không thấy tôi đang tận hưởng nó à? Cần gì phải mệt trí nhọc xác thêm mấy chục năm như ông bày vẽ!

04-3-2013

CGvDT số 1897, ngày 08-3-2013

THẦY VÀ TRÒ

Đây là chuyện tôi nghe:

Sri (Đức) Ramakrishna (1836-1886) là sư phụ của Swami (Đại Sư) Vivekananda (1863-1902). Cả hai đều là danh gia lừng lẫy trong giới Huyền Học (*Mysticism*). Nhưng về hoàn cảnh xuất thân thì hai thầy trò rất tương phản nhau.

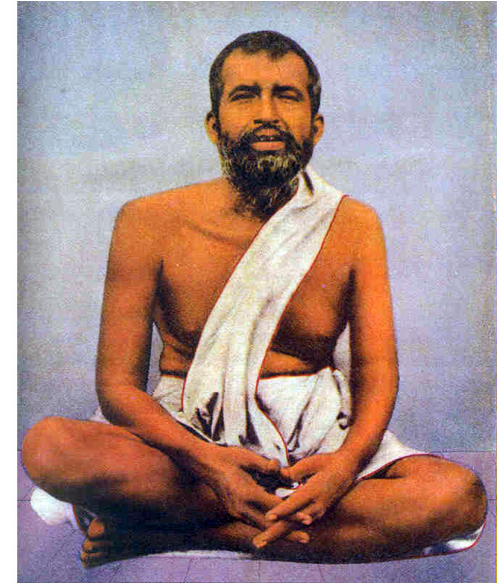
Thầy thuở nhỏ sinh ra ở nông thôn, cha mẹ bần hàn, học hành ở trường quê không nhiều. Trò sinh trưởng giữa chốn thị thành hoa lệ, được học hành tới nơi tới chốn, cha mẹ trí thức và giàu có. Thầy mộc mạc bao nhiêu, thì trò tài hoa, nghệ sĩ bấy nhiêu.

Thuở thiếu niên kẻ học trò ấy có tên là Narendra, giỏi nhạc, hát hay, thể dục thể thao chẳng kém... Khi tốt nghiệp đại học với bằng cử nhân ở Ấn Độ, chàng trai ấy có được vốn tri thức phong phú thuộc nhiều lãnh vực, nhất là sử học và triết học phương Tây.

Nhưng chàng tuổi trẻ không hài lòng với tri thức thế gian vì bẩm sinh sẵn có xu hướng về tâm linh. Thế nên trước khi tốt nghiệp đại học khoảng hai hay ba năm, kẻ thiếu niên ấy luôn băn khoăn, luôn thao thức với một câu hỏi về Thượng Đế.

Người ta kể rằng vì muốn tìm được giải đáp nên có lần kẻ thiếu niên ấy đi tới sông Hằng, xin yết kiến một đạo sư

Sri Ramakrishna
(1836-1886)



Swami Vivekananda
(1863-1902)

(guru), là cha của thi hào Rabindranath Tagore (1861-1941), người đoạt giải Nobel Văn Chương 1913.

Thân phụ của thi hào là Debendranath Tagore (1817-1905) bấy giờ đang neo thuyền bên bờ dòng sông thiêng nước Thiên Trúc.

Bậc đạo sư có tiếng uyên bác, quảng kiến đa văn không khỏi sững sốt khi nghe kẻ thiếu niên hỏi:

- Thưa Ngài, Ngài đã gặp Thượng Đế chưa?

Người kể lại chuyện không cho biết vị đạo sư trả lời câu hỏi ấy ra sao, mà chỉ bảo rằng thân phụ của Tagore cố an ủi chàng trai, khen chàng có đôi mắt của người chuyên luyện yoga, và khuyên chàng hãy ngồi thiền để trường dưỡng tâm linh.

Không nói thì cũng rất dễ đoán được rằng chàng trai quá thất vọng, nên sau đó lại tiếp tục tìm kiếm câu trả lời khác.

Vào tháng 11 năm 1881, chàng trai mười tám xuân xanh tìm tới gặp Đức Ramakrishna lần đầu tiên. Trong ngôi đền thiêng của đạo Bà La Môn, không thềm rào đón đông dãi, chàng mở miệng hỏi ngay:

- Thưa Ngài, Ngài đã gặp Thượng Đế chưa?

Chẳng hề do dự, Đức Ramakrishna đáp liền:

- Có chứ! Ta thấy Thượng Đế còn rõ ràng hơn ta thấy cậu đứng đây bằng xương bằng thịt. Ta chuyện trò với Ngài còn thân mật hơn ta nói với cậu. Nhưng mà con trai ơi, hỏi kẻ muốn gặp Thượng Đế! Thiên hạ đã tuôn đổ biết bao

nước mắt thương tiếc cho tiền bạc, vợ chồng, con cái của họ. Phải chi họ cũng khóc lóc như vậy vì Thượng Đế chỉ một ngày thôi, thì chắc chắn họ sẽ gặp được Ngài.

Nghe giọng nói mang đầy âm sắc “nhà quê” trả lời chắc nịch như đỉnh đóng cột, chàng trai rúng động. Bằng trực giác siêu nhiên, bằng mối nhân duyên thầy trò tiền định, ngay lúc ấy chàng trai lập tức nhận thức rằng câu trả lời của vị Thánh sống hoàn toàn không đến từ sách vở, lý thuyết.

Bởi thế, chàng đã tìm gặp sư phụ của mình, và Ramakrishna đã tìm được đại đệ tử để truyền trao y bát kế thừa đạo nghiệp. Đại Sư Vivekananda đã ra đời từ chính buổi sơ ngộ ấy. Đạo Bà La Môn sau này được giới thiệu ở một số nước Âu Mỹ một phần lớn nhờ Đại Sư Vivekananda trực tiếp trình bày.

Có dịp nói về thầy mình, Đại Sư Vivekananda bảo:

- Thầy tôi không phải là người được ăn học, nhưng thầy là cái học được hiển bày qua hình dáng con người.⁽¹⁾

13-5-2014

CGvDT số 1957, ngày 16-5-2014

⁽¹⁾ *My master was not learned but learning personified.*

TRIẾT LÝ ĐỒNG BẠC

*Thật thế, cội rễ sinh ra mọi điều ác
là lòng ham muốn tiền bạc,
vì buông theo lòng ham muốn đó,
nhiều người đã lạc xa đức tin
và chuốc lấy bao nỗi đớn đau xâu xé.*

1 Timôthê 6:10

Khi cuộc Nội Chiến (1861-1865) nổ ra, vì nhu cầu tài chánh, Quốc Hội Mỹ biểu quyết cho phát hành các tờ giấy bạc có mệnh giá năm, mười, và hai mươi đô la vào năm 1861. Tờ một đô la đầu tiên ra đời năm 1862. Tờ một trăm đô cỡ lớn (189×79mm) cũng ra đời năm ấy, đến năm 1928 nó được thu gọn lại (157×66mm) như tất cả các mệnh giá khác.

Dòng chữ IN GOD WE TRUST (*Ta tin có Trời*) xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1957, và được in trên mặt lưng tờ một đô la. Ở mặt lưng các tờ đô la hiện hành đều có bốn chữ này in phía trên; riêng tờ hai đô in phía dưới.

Đây là chuyện tôi nghe:

Một chú nhỏ được ông nội tặng cho tờ một đô mới tinh.

Ôm cháu vào lòng, ông cụ hỏi:



- Con sẽ mua món gì?

Phe phẩy tờ giấy bạc phảng phiu trước mũi, như muốn ngửi cái mùi khen khét của nó, chú nhỏ ngẫm nghĩ một thoáng rồi đáp:

- Con để dành.

Ông cụ mỉm cười, xoa đầu cháu. Chỉ cho cháu thấy một hình tam giác nhỏ in bên trái mặt lưng tờ giấy bạc, ông hỏi:

- Cái gì đây?
- Dạ, con mắt.
- Con mắt tỏa hào quang, sáng lắm! Con hiểu gì không?

Chú nhỏ lắc đầu. Ông cụ thủng thỉnh giải thích:

- Từ xa xưa nhiều dân tộc trên thế giới đã tin có Trời, có Thượng Đế. Chúng ta không nhìn thấy Ngài, nhưng lúc nào Ngài cũng nhìn thấy hết mọi việc làm của chúng ta. Con mắt thần thông của Ngài xuyên suốt thế gian, chẳng có việc thềm lén, khuất lấp nào mà Ngài không nhìn thấy rõ. Bởi vậy, người Việt từ xưa đã nói: *Trời cao có mắt*.

Kinh Thánh chép rằng ông Adam và bà Eva có hai con trai đầu lòng là Cain và Abel. Vì ghen tỵ với em ruột, Cain giết chết Abel.

Một nhà văn, nhà thơ người Pháp lỗi lạc là Victor Hugo sáng tác bài thơ *Lương Tâm* kể rằng sau khi phạm tội, Cain chạy trốn khắp nơi, dù đồng sâu hay rừng rậm, dù núi non hay thung lũng, v.v... đâu đâu kẻ sát nhân cũng không tránh khỏi con mắt của Thượng Đế từ trời cao nhìn xuống. Thậm chí, các con trai của Cain làm nắm mộ già để cha họ chui xuống trốn nhưng kẻ tội lỗi rốt cuộc vẫn không thoát khỏi ánh mắt phán xét của Trời.

Con nhìn dòng chữ này đi. Bốn chữ này nghĩa là *Ta tin có Trời*. Tại sao lại in như vậy trên các tờ giấy bạc?

Con biết không, trên thế giới này trong biết bao năm qua đã có vô số người tiêu xài những tờ giấy bạc như thế này, họ đổ mồ hôi sôi nước mắt, thậm chí đổi cả mạng sống để giành giật những tờ giấy bạc lớn hơn thế này, nhưng có lẽ chẳng mấy ai bận tâm suy nghĩ xem bốn chữ *Ta tin có Trời* này muốn nhắn nhủ họ điều gì.

Vậy thì hôm nay ông tặng cháu một đồng làm kỷ niệm. Cháu hãy luôn nhớ rằng ta tin có Trời. Tin rằng Trời nhìn thấy rõ tất cả mọi việc ta làm. Cháu cũng như mọi người đều cần tiền, đều phải làm việc để kiếm tiền, nhưng cháu hãy nhớ đừng vì cần tiền mà phạm tội. Cũng vậy, khi có nhiều tiền cháu chớ lạm dụng đồng tiền để làm điều tội lỗi. Cháu hãy biết dùng tiền sao cho kẻ khác đừng đau khổ, hoặc giúp họ được vui bớt khổ đau.

22-8-2012

CGvDT số 1872, ngày 24-8-2012

TRÒ BÊN THẦY

Đức Phật Thích Ca có mười đại đệ tử, mỗi vị sở trường một lãnh vực. Nói như kiểu bây giờ thì mười vị ấy là *Top Ten*.

Đức Khổng Tử cũng có mười đại đệ tử, gồm các ông: Mẫn Tử Khiên, Bá Ngưu, Trọng Cung, Tề Dư, Tử Cống, Tử Hữu, Tử Lộ, Tử Du, Tử Hạ, Tử Trương. Cả nhóm “Top Ten” này được gọi chung là *Thập Triết*, được thờ trong Khổng Miếu.

Chuyện sau đây liên quan tới Tử Cống.

Tử Cống (họ Doan Mộc, tên Tứ) sinh ở nước Vệ khoảng năm 520 trước Công Nguyên, kém hơn Đức Khổng chừng ba mươi một tuổi. Ông từng làm quan ở nước Vệ, nước Lỗ. Cuối đời ông ở nước Tề.

Tử Cống thường qua lại buôn bán giữa hai nước Tào và Lỗ, rất giàu. Vì thế, có thuyết cho rằng trong mấy năm Đức Khổng Tử và nhóm đệ tử ruột có được chi phí để chu du từ nước này sang nước khác đều nhờ vào đại gia Tử Cống tài trợ. Đức Khổng qua đời, Tử Cống dựng nhà ở luôn bên mộ thầy để chăm sóc và lo nhang khói suốt sáu năm dài.

Sách xưa chép rằng Tử Cống thông minh mẫn tiệp, có tài ăn nói; vì vậy khi làm quan ông hay du thuyết, tức là đi qua các nước Tề, Ngô, Việt, Tấn để đàm phán về các vấn

đề chánh trị (na ná như Henry Kissinger ngày trước hay bà Hillary Clinton bây giờ).

Về tài biện luận của Tử Cống, *Luận Ngữ* (19:23-24) chép hai chuyện xảy ra ở nước Lỗ (quê hương Đức Khổng).

Lần nọ, quan đại phu nước Lỗ là Thúc Tôn Vũ Thúc nói với các quan đại phu trong triều:

- Tử Cống tài đức hơn Trọng Ni (Khổng Tử).

Quan đại phu Tử Phục Cảnh Bá (họ Tử Phục, tên Hà, tự Bá) bèn đem lời ấy thuật lại với Tử Cống. Tử Cống nói ngay:

- Bức tường rào nhà tôi chỉ cao tới ngang vai, nên người bên ngoài có thể nhìn thấy cái đẹp trong nhà tôi. Trái lại, bức tường rào nhà thầy tôi cao tới vài chục thước, nếu không bước qua cửa đi vào thì không sao thấy được vẻ đẹp và sự phong phú bên trong nhà thầy tôi. Tuy nhiên, hiếm người biết được cửa để bước vào. Vậy Thúc Tôn Vũ Thúc nói không đúng rồi!

Lần khác nữa, Thúc Tôn Vũ Thúc mở miệng chê bai Đức Khổng. Nghe vậy, Tử Cống bèn cãi:

- Chớ chê bai! Thầy tôi không ai chê được. Tài đức kẻ khác cao như gò như núi thì người ta có thể vượt qua được; còn tài đức thầy tôi cao như mặt trời mặt trăng, ai mà vượt qua nổi. Nếu chê bai thì chẳng tổn hại chi cho mặt trời, mặt trăng nhưng rốt lại chỉ cho thấy kẻ chê bai không biết cao thấp mà thôi.

Kể chuyện trò bênh thầy bên đạo Nho cũng nên nhắc tới bên đạo Phật.

Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền (tạ thế khoảng năm 866, không rõ năm sinh) là tổ sáng lập phái Lâm Tế ở Trung Quốc. Phái này truyền sang Nhật Bản, Việt Nam...

Một thiền sinh thuộc phái khác “nỗ” với học trò sư Lâm Tế:

- Thầy tôi giỏi làm phép lạ, vì vậy toàn thể môn sinh đều rất tôn kính. Tôi từng thấy thầy tôi làm nhiều việc phi thường vượt xa khả năng chúng ta. Còn thầy ông thì sao? Thầy ông biết làm những phép lạ kỳ diệu nào?

Học trò sư Lâm Tế đáp:

- Phép lạ huyền diệu nhất của thầy tôi là người chả thèm biểu diễn bất kỳ một xảo thuật thần kỳ nào để lèo học trò rằng người là bậc siêu phàm xuất chúng.

Bà Chiêu, 14-11-2012

CGvDT số 1834, ngày 16-11-2012

VÔ THẦN ĐÍCH THỰC LÀ AI?

Từ điển *Webster* danh tiếng của Mỹ giải thích vô thần như sau:

Vô thần: (a) không tin có thần thánh hiện hữu; (b) thuyết cho rằng không có thần thánh.⁽¹⁾

Người vô thần: người tin rằng Thượng Đế không hiện hữu.⁽²⁾

Các từ điển khác cũng giải thích na ná như thế, mặc dù lời lẽ có thể dông dài hơn. Vậy thì có lạ lùng không nếu ai đó hàng ngày vẫn cúng bái, nguyện cầu theo niềm tin tôn giáo của mình mà vẫn bị xem là kẻ vô thần nhất hạng trên đời? Nghịch lý chẳng?

Sẽ không thấy là nghịch lý khi chúng ta được nghe Đại Sư Vivekananda (1863-1902, người Ấn) nói chuyện.

Chia sẻ với người phương Tây những hiểu biết căn bản về giáo lý Bà La Môn, Đại Sư Vivekananda hay dùng các chuyện kể, hoặc dẫn Kinh Thánh để người nghe gần gũi, dễ lãnh hội.

Chẳng hạn, có lần Đại Sư hỏi thính giả như sau:

⁽¹⁾ Atheism: (a) a disbelief in the existence of deity; (b) the doctrine that there is no deity.

⁽²⁾ Atheist: a person who believes that God does not exist.

- Quý vị có nhớ Kinh Thánh dạy gì không?

Rồi Đại Sư trả lời luôn:

- Nếu ai nói: Tôi yêu mến Thiên Chúa mà lại ghét anh em mình, người ấy là kẻ nói dối; vì ai không yêu thương người anh em mà họ trông thấy, thì không thể yêu mến Thiên Chúa mà họ không trông thấy.

Đó là câu 4:20 trong *Thư 1 Của Thánh Gioan*.

Tuy nhiên, Đại sư không mất công nêu xuất xứ câu Kinh Thánh. Ngài chỉ nhắc lại lời Thánh Gioan rồi nói luôn vào chủ điểm buổi nói chuyện:

- Nếu quý vị không thể nhìn thấy Trời trên gương mặt con người, thì làm sao quý vị nhìn thấy Trời giữa những đám mây, hay qua những hình tượng bằng vật chất vô tri vô hồn, hay trong những câu chuyện chỉ do trí óc chúng ta tưởng tượng ra? Tôi có thể gọi quý vị là người có tín ngưỡng kể từ ngày quý vị bắt đầu nhìn thấy Trời trong những người nam người nữ, và khi ấy quý vị sẽ hiểu việc đưa luôn má bên trái cho kẻ đã tát mình má bên phải nghĩa là gì.⁽³⁾

⁽³⁾ *If you cannot see God in the human face, how can you see him in the clouds, or in images made of dull, dead matter, or in mere fictitious stories of our brain? I shall call you religious from the day you begin to see God in men and women, and then you will understand what is meant by turning the left cheek to the man who strikes you on the right.*



Đại Sư nhắc lời Chúa (*Matthêu 5:39*) nhưng cũng không mất công nêu xuất xứ. Đại Sư chỉ nói một chiều như thế, không nói ngược lại; nhưng ắt hẳn thánh giả đều hiểu hàm ý của Ngài rằng nếu không nhìn thấy Trời ngự trị trong những người khác thì ta vẫn chỉ là kẻ vô thần.

Theo Đại Sư Vivekananda, đâu phải cứ theo một tôn giáo, cứ siêng cúng bái, v.v... mà ta không phải vô thần; thật ra, ta vẫn cứ vô thần trong mọi hình thức tôn giáo, tín ngưỡng nếu ta chưa thật sự thấy được Trời ở trong ta, và ở trong những người quanh ta.

Trong một buổi thuyết giảng khác, Đại Sư kể câu chuyện thú vị như sau:

- Nhiều năm trước, tôi thăm một vị đại hiền giả nước tôi, một bậc chí thánh. Chúng tôi trò chuyện về các quyển kinh

như Vệ Đà [của Bà La Môn], Kinh Thánh, Coran [đạo Islam], và nói chung là nhiều kinh khác.

Cuối buổi đàm đạo, vị ấy bảo tôi tới bàn lấy một quyển sách; một quyển sách nằm lẫn trong nhiều đồ vật khác, nó cho biết một dự báo lượng mưa trong năm.

Bậc hiền giả bảo: “Đọc đi.”

Và tôi đọc to lượng mưa sẽ có.

Ngài bảo: “Bây giờ cầm cuốn sách và xoắn lại.”

Tôi làm theo và ngài nói: “Con à, chẳng vắt được giọt nước nào. Chùng nào chưa có nước, nó hoàn toàn là lý thuyết. Thế nên, chùng nào tôn giáo của con chưa giúp con nhận thức được Trời, tôn giáo của con vô dụng.”⁽⁴⁾

Đại Sư mượn chuyện ấy để dẫn dắt tới ý nghĩa đích thực của hai chữ vô thần, khác hẳn cách định nghĩa thường thấy trong từ điển.

⁽⁴⁾ *Many years ago, I visited a great sage of our own country, a very holy man. We talked of our revealed books, the Vedas, of Bible, of Koran and of revealed books in general. At the close of the talk, this good man asked me to go to the table and take up a book; it was a book which among other things, contained a forecast of the rainfall during the year. The sage said “Read That”. And I read out the quantity of rain that was to fall. He said, “Now take the book and squeeze it”. I did so and he said “Why, my boy, not a drop of water comes out. Until the water comes out, it’s all book. So until your religion makes you realise God, it is useless.”*

Đại Sư nói tiếp:

- Một người có thể tin tưởng vào tất cả các giáo đường trên thế gian, y có thể mang trong đầu tất cả kinh điển đã được viết ra, y có thể làm phép rửa cho mình ở tất cả các dòng sông trên trái đất, tuy nhiên nếu y chưa nhận thức được Trời thì tôi xếp y vào hạng vô thần số một. Còn một người có thể chưa hề bước vào một giáo đường nào, chưa từng cúng bái bao giờ, nhưng nếu người cảm thấy có Trời ở trong chính mình, và nhờ vậy mà được nâng lên khỏi những phù hoa hư ảo của trần gian, người ấy là một vị thánh.⁽⁵⁾

Câu chuyện của Đại Sư khiến chúng ta sợ.

Sợ rằng chúng ta đang hồn nhiên sống vô thần trong chính tôn giáo của mình.

04-6-2014

CGvDT số 1960, ngày 06-6-2014

⁽⁵⁾ *A man may believe in all the churches in the world, he may carry in his head all the sacred books ever written, he may baptise himself in all the rivers of the earth, still if he has no perception of God, I would class him with the rankest atheist. And a man may have never entered a church or a mosque, nor he performed any ceremony, but if he feels God within himself and is thereby lifted above the vanities of the world, that man is holy man, a saint.*

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐÃ XUẤT BẢN:

- 56-1. **ĐẠO LÝ HUYỀN CƠ**. Thiện Bảo. / 57-1. **LƯỢC SỬ BÁT BỬU PHẬT ĐÀI**. Thiện Bảo, 2012.
58-1. **CAO ĐÀI KHÁI YẾU**. Đạt Đức, 2013.
59-1. **QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY**. Huệ Khải, 2013.
60-1. **MỤC ĐÍCH & ĐƯỜNG LỐI CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO**. Đơn Tâm, 2013.
61-2. **GIỌT NGỌC KIM BÀN**. Thanh Căn, 2013, 2014.
62-1. **CUỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ**. Huệ Khải & Lê Anh Minh, truyện tranh, 2013.
63-1. **CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ PHỤC SINH**. Nhiều người viết, 2013.
64-1. **ĐẠI ĐẠO VÀ TÔN GIÁO**. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2013.
65-1. **BÁT QUÁI ĐỒ THIÊN XƯA VÀ NAY**. Nhiều người viết, 2013.
66-1. **THƠ NGƯỜI ÁO TRẮNG**. Nhiều người viết, 2013.
67-1. **ƠN CỨU ĐỘ**. Diệu Nguyên, 2013.
68-1. **TRUNG DU HÀNH ĐẠO**. Nhiều người viết, 2013.
69-1. **DƯỚI MÁI ĐẠO VIỆN**. Huệ Khải, 2013.
70-1. **CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ GIÁNG SINH**. Nhiều người viết, 2013.
71-1. **HỒ BIỂU CHÁNH XƯA VÀ NAY**. Huệ Khải, 2014.
72-1. **PETRUS KÝ XƯA VÀ NAY**. Huệ Khải, 2014.
73-1. **TƯỜNG NHỚ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ**. Huệ Khải chủ biên, 2014.
74-1. **HÀNH TRẠNG ĐỨC AN TRINH THẦN NỮ**. Huệ Khải, 2014.
75-1. **AN THUẬN QUẢ DUYÊN**. Diệu Nguyên, 2014.
76-1. **TRỜI CHẴNG XA NGƯỜI**. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2014.
77-1. **THIÊN BÀN TẠI NHÀ**. Huệ Khải, 2014.
78-1. **SƠ KHẢO BÀI KINH NGỌC HOÀNG TÂM ẤN**. Lê Anh Minh, 2014.
79-1. **NGŨ GIỚI CẤM XƯA VÀ NAY**. Huệ Khải, 2014.
80-1. **VẠN HẠNH THIÊN SƯ XƯA VÀ NAY**. Huệ Khải kết tập, 2014.
81-1. **THIÊN ĐÀNG ĐỊA NGỤC HAI BÊN**. Diệu Nguyên, 2014.
82-1. **TÌM HIỂU NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO**. Thanh Căn, 2014.
83-1. **TỰ THẤP ĐUỐC MÀ ĐI**. Thiện Quang, 2014.
84-1. **NẼO VỀ TÂM LINH**. Huệ Khải, 2014.
* **ĐẠI ĐẠO VĂN UYẾN 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7-8, 9, 10, 11**. Hiệp tuyển thơ văn, 2012, 2013, 2014.

Ghi chú: 84-1 tức là quyển 84, in lần thứ nhất. 24-4 tức là quyển 24, in lần thứ tư.

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

HUỆ KHẢI

NẼO VỀ TÂM LINH

IN LẦN THỨ NHẤT

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám Đốc – Tổng Biên Tập: NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập: LÊ HỒNG SƠN

Trình bày & Kỹ thuật: DŨ LAN

Vẽ bìa: LÊ ANH HUY & LÊ ANH THƯ

Bìa 4: HUỆ KHẢI VĂN TẬP 慧啓文集

Thư pháp: TRƯƠNG LỘ 張路

Sửa bản in: LÊ ANH MINH, NGÔ BÁI THIÊN

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

☎ (04) 37822845 – Fax: (04) 37822841

In năm ngàn quyển, khổ 14,5x20,5 cm, tại XN In FAHASA

774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ (08) 38153971 – Fax: (08) 38153297

Số xuất bản 1528-2014/CXB/12-176/TG, ngày 15-8-2014.

Mã số ISBN: 978-604-61-1490-1.

In xong và nộp lưu chiểu quý Ba năm 2014.

SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)

Tổng phát hành: Hiền huynh **TRẦN VĂN QUANG**

59/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM. ☎ 0913613653